

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Trung Dũng**  
**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Hòa Thị Thanh Hương**

**HẢI PHÒNG - 2015**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI  
PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG  
TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU  
PHÚC LÂM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Trung Dũng  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Hòa Thị Thanh Hương**

**HẢI PHÒNG – 2015**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Trần Trung Dũng

Mã SV: 1313401016

Lớp: QTL701K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm.

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Tìm hiểu lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ;
  - Tìm hiểu thực tế tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập;
  - Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Suu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2014 tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
  - **Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm**

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Hòa Thị Thanh Hương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm.

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 27 tháng 04 năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 18 tháng 07 năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Trần Trung Dũng

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

ThS. Hòa Thị Thanh Hương

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2015*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị**

## PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

### 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- .....

- .....

- .....

- .....

- .....

### 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- .....

- .....

- .....

- .....

- .....

- .....

- .....

### 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

- Điểm số:.....
- Điểm chữ:.....điểm.

*Hải Phòng, ngày..... tháng..... năm 2015*  
**Cán bộ hướng dẫn**

**ThS. Hòa Thị Thanh Hương**

# MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1:</b> .....	3
<b>NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ</b> .....	3
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .....	3
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	3
1.1.2. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .....	4
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .....	10
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .....	11
1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .....	11
1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .....	20
1.2.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	29
1.3. Tổ chức luân chuyển chứng từ, sổ sách trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp vừa và nhỏ .....	31
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung .....	31
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái .....	32
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	32
1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	33
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính .....	34
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU PHÚC LÂM</b> .....	36

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm.....	36
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm .....	36
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm.....	38
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm .....	39
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm.....	41
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm ...	44
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm .....	44
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm .....	51
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm.....	56
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm .....	62
2.2.5. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm.....	66
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU PHÚC LÂM.....</b>	<b>75</b>
3.1. Đánh giá chung về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm.....	75
3.1.1. Ưu điểm.....	75
3.1.2. Hạn chế.....	77



3.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm.....	78
3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm.....	79
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>88</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>89</b>

## DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

STT	Tên	Số trang
1	Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu trong DN vừa và nhỏ	13
2	Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu thông qua đại lý trong DN vừa và nhỏ	13
3	Sơ đồ 1.3: Kế toán doanh thu theo phương thức trả chậm (trả góp) trong DN vừa và nhỏ	14
4	Sơ đồ 1.4: Kế toán doanh thu theo phương thức trao đổi hàng trong DN vừa và nhỏ	14
5	Sơ đồ 1.5: Kế toán chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong DN vừa và nhỏ	16
6	Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính ở DN vừa và nhỏ	17
7	Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	19
8	Sơ đồ 1.8: Kế toán giá vốn hàng bán trong DN vừa và nhỏ theo phương pháp KKTX	22
9	Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí tài chính trong DN vừa và nhỏ	24
10	Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh trong DN vừa và nhỏ	26
11	Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí khác trong DN vừa và nhỏ	28
12	Sơ đồ 1.12: Kế toán Chi phí thuế thu nhập DN trong DN vừa và nhỏ	30
13	Sơ đồ 1.13: Kế toán xác định kết quả kinh doanh ở DN vừa và nhỏ	30
14	Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	31
15	Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái	32
16	Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ	33
17	Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Chứng từ	34
18	Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy	35
19	Bảng số 2.1: Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty năm 2012 – 2014	37

20	Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty	39
21	Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty	41
22	Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty	43
23	Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty	45
24	Biểu số 2.1: Đơn đặt hàng của Công ty TNHH Mai Hoàng	46
25	Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 187 ngày 26/12/2014	48
26	Biểu số 2.3: Sổ nhật ký chung	49
27	Biểu số 2.4: Sổ cái TK 511	50
29	Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty	51
30	Biểu số 2.5: Phiếu xuất kho số 187 ngày 26/12/1014	53
31	Biểu số 2.6: Sổ nhật ký chung	54
32	Biểu số 2.7: Sổ cái TK 632	55
33	Biểu số 2.8: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	56
34	Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán kế toán chi phí quản lý KD tại Công ty	57
35	Biểu số 2.9: Hoá đơn GTGT số 5210 của Điện lực Ngô Quyền	58
36	Biểu số 2.10: Phiếu chi số 17, quyền số 10 ngày 14/12/2014	59
37	Biểu số 2.11: Sổ nhật ký chung	60
38	Biểu số 2.12: Sổ cái TK 642	61
39	Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu HĐTC tại Công ty	62
40	Biểu số 2.13: Giấy báo Có của Ngân hàng Vietcombank 31/12/2014	63
41	Biểu số 2.14: Sổ nhật ký chung	64
42	Biểu số 2.15: Sổ cái TK 515	65
43	Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán kế toán xác định KQKD tại Công ty	67

44	Biểu số 2.16: Phiếu kế toán số 16	68
45	Biểu số 2.17: Phiếu kế toán số 17	68
46	Biểu số 2.18: Phiếu kế toán số 18	69
47	Biểu số 2.19: Phiếu kế toán số 19	69
48	Biểu số 2.20: Sổ nhật ký chung	70
49	Biểu số 2.21: Sổ cái TK 911	71
50	Biểu số 2.22: Sổ cái TK 821	72
51	Biểu số 2.23: Sổ cái TK 421	73
52	Biểu số 2.24: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014	74
53	Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng	81
54	Biểu số 3.2: Bảng tổng hợp xác định kết quả theo từng mặt hàng	82

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm xã hội	NVL	Nguyên vật liệu
BHYT	Bảo hiểm y tế	QLKD	Quản lý kinh doanh
CCDC	Công cụ dụng cụ	QLDN	Quản lý doanh nghiệp
CKTM	Chiết khấu thương mại	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
CP	Chi phí	TSCĐ	Tài sản cố định
DN	Doanh nghiệp	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
DT	Doanh thu	TK	Tài khoản
DV	Dịch vụ	TGNH	Tiền gửi ngân hàng
HĐTC	Hoạt động tài chính	SP	Sản phẩm
HH	Hàng hóa	SXKD	Sản xuất kinh doanh
GTGT	Giá trị gia tăng	STT	Số thứ tự
GVHB	Giá vốn hàng bán	PS	Phát sinh
KC	Kết chuyển	PP	Phương pháp
KQKD	Kết quả kinh doanh	PC	Phiếu chi
KKĐK	Kiểm kê định kỳ	PKT	Phiếu kế toán
KPCĐ	Kinh phí công đoàn	VNĐ	Việt Nam đồng
NSNN	Ngân sách Nhà nước	XNK	Xuất nhập khẩu

## LỜI MỞ ĐẦU

Nước ta đang trong thời kì đổi mới, trong công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Chính sự mở cửa nền kinh tế tạo ra nhiều thách thức và cạnh tranh gay gắt, đòi hỏi các công ty phải tự chủ về kinh doanh và tài chính. Phải tự đổi mới mình để phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh trong cơ cấu thị trường. Có thể nói kế toán là cánh tay đắc lực giúp nhà quản lý có thể nắm bắt được tình hình tài chính và đưa ra được các quyết định đúng đắn. Chính nhờ vậy, kế toán luôn là công cụ quan trọng phục vụ cho việc quản lý kinh tế.

Nhiệm vụ quan trọng của kế toán là phải xác định đúng lãi, lỗ của hoạt động kinh doanh để giúp các nhà quản trị doanh nghiệp có thể nhanh chóng đưa ra các chiến lược kinh doanh nhằm giúp doanh nghiệp có đủ thông tin để đạt được mục tiêu kinh doanh: Nâng cao doanh thu, giảm thiểu chi phí nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động kinh doanh của công ty; em nhận thấy công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, em quyết định lựa chọn đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm”** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung chính của khóa luận gồm 3 chương:

**Chương 1: Những lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

**Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm.**

**Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm.**

Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm, kết hợp với kiến thức đã được học; với sự giúp đỡ tận tình của ThS. Hoà Thị Thanh Hương – Giảng viên khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, các anh chị phòng Tài chính kế toán của Công ty đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này. Tuy nhiên, do chưa có nhiều kinh nghiệm và kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận này không tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong các thầy cô giáo góp ý và giúp đỡ em để bài khóa luận tốt nghiệp này được hoàn thiện hơn.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

## CHƯƠNG 1:

# NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

### 1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

#### *1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ*

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề các doanh nghiệp (DN) luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả nhất. Do đó, việc tổ chức công tác kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò vô cùng quan trọng.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng, đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của DN. Việc tổ chức tốt khâu tiêu thụ sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho DN, trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình tái sản xuất, tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, nếu doanh thu trong kỳ không đủ bù đắp các khoản chi phí mà DN đã bỏ ra thì DN sẽ gặp khó khăn về mặt tài chính.

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại DN phải khoa học, hợp lý. Với việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của DN; các nhà quản trị sẽ nắm bắt được thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của DN mình, là cơ sở để đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định. Từ đó lựa chọn những phương án tối ưu cho DN, đề ra những quyết định, phương hướng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh để DN phát triển bền vững hơn.



### ***1.1.2. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ***

#### ***1.1.2.1. Doanh thu bán hàng***

**Doanh thu bán hàng:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế DN thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của DN, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

**\* Các loại doanh thu:**

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu, phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- **Doanh thu thuần:** là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu.

- **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế DN thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán. Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ các khoản tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia của DN.

- **Thu nhập khác:** là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Nội dung thu nhập khác của DN, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản, TSCĐ.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ.

- Các khoản thuế được Ngân sách Nhà nước hoàn lại.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu - tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng DN.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

**\* Điều kiện ghi nhận doanh thu**

- *Doanh thu bán hàng*: được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:
  - + DN đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
  - + DN không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
  - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - + DN đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
  - + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**\* Nguyên tắc hạch toán doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp DN có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán

- Tài khoản (TK) 511 "*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*" chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là tiêu thụ trong kỳ không phân biệt DN đã hay sẽ thu tiền.

- Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ thuần DN thực hiện trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị

gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu).

- Những DN gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà DN được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp DN ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phân lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu xác định.

- Những sản phẩm, hàng hóa được xác định đã bán nhưng vì lý do chất lượng, qui cách kỹ thuật người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được DN chấp nhận. Hoặc người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu này được theo dõi riêng, cuối kỳ kết chuyển vào TK 511 để tính doanh thu thuần.

- Trường hợp trong kỳ DN đã viết hóa đơn bán hàng, thu tiền bán hàng nhưng cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua. Trị giá số hàng này không được coi là đã bán trong kỳ, không được ghi vào TK 511 mà chỉ hạch toán vào bên có TK 131 về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực hiện giao hàng cho người mua sẽ hạch toán vào TK 511 về trị giá hàng đã giao, đã thu trước tiền bán hàng, phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu.

**\* Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp**

**Bán hàng:** Là bán các sản phẩm do DN sản xuất ra hoặc các sản phẩm mua vào. DN thường có các phương thức bán hàng sau:

- **Bán hàng trực tiếp:** Là phương thức giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho, các phân xưởng sản xuất không qua kho. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ. Bao gồm bán buôn và bán lẻ.

- **Chuyển hàng theo hợp đồng:** Bên bán chuyển hàng cho bên mua theo các điều kiện ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của DN. Khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hóa đã được thực hiện và thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

- **Bán hàng qua đại lý:** DN (bên giao đại lý) giao hàng cho cơ sở (đại lý) nhận bán hàng đại lý, ký gửi để cơ sở này trực tiếp bán hàng. Khi bên đại lý thông báo bán được hàng hoặc thanh toán tiền hàng cho bên giao đại lý thì mới được coi là hàng hóa tiêu thụ và ghi nhận doanh thu. Đối với bên đại lý, hoa hồng bán hàng nhận được chính là doanh thu và phải nộp thuế GTGT trên khoản hoa hồng nhận được.

- **Bán hàng đúng giá hưởng hoa hồng:** Bên chủ hàng (bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Khi xuất hàng gửi đi, hàng vẫn thuộc sở hữu DN. Chỉ khi nào khách đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán, khi đó hàng mới chuyển quyền sở hữu, được ghi nhận doanh thu bán hàng.

- **Bán hàng trả chậm, trả góp:** Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Khi giao hàng cho người mua lượng hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất được quy định trong hợp đồng.

- **Phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận:** Bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền

sở hữu bên bán, chỉ khi nào người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao thì lượng hàng đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán chuyển quyền sở hữu cho bên mua.

- **Phương thức hàng đổi hàng:** DN đem sản phẩm, vật tư, hàng hóa đổi lấy vật tư, hàng hóa khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hóa tương ứng trên thị trường.

- **Phương thức tiêu thụ nội bộ:** Là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng Công ty, Tập đoàn...

#### \* Các khoản giảm trừ doanh thu

Phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính giảm trừ vào doanh thu hoạt động kinh doanh. Được phản ánh trong Tài khoản 521 bao gồm: Chiết khấu thương mại, Giá trị hàng bán bị trả lại và các khoản giảm giá cho người mua trong kỳ hạch toán:

- *Chiết khấu thương mại:* Là khoản DN bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- *Giá trị hàng bán bị trả lại:* Là giá trị khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- *Giảm giá hàng bán:* Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng kém phẩm chất, sai quy cách... theo quy định trong hợp đồng hoặc lạc hậu thị hiếu.

\* **Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp:** được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt:* Là thuế gián thu, được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt Nhà nước không khuyến khích sản xuất như: bia, rượu, thuốc lá, vàng mã, bài lá ...

- *Thuế xuất khẩu:* Là thuế đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- *Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:* Là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

### 1.1.2.2. Chi phí kinh doanh

Chi phí kinh doanh: Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu. Là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà DN phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của DN trong một thời kỳ nhất định.

#### a. Giá vốn hàng bán

Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với DN thương mại) hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### b. Chi phí quản lý kinh doanh

Phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

- Chi phí bán hàng: Là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn DN.

#### c. Chi phí hoạt động tài chính

Là các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ tỷ giá hối đoái...

#### d. Chi phí khác

Là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của DN gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

Nội dung của chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.
- Các khoản chi phí khác.

e. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của DN. Là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của DN trong năm tài chính hiện hành. Căn cứ tính thuế thu nhập Doanh nghiệp (TNDN) là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập DN. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} * \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

Là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong DN trong một thời gian nhất định. Biểu hiện bằng số tiền lãi lỗ trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả hoạt động kinh doanh của DN bao gồm:

- **Kết quả hoạt động kinh doanh:** là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh .
- **Kết quả hoạt động khác:** Là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của DN. Là kết quả được tính bằng thu nhập khác trừ đi chi phí khác và chi phí thuế thu nhập DN.

**1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

- Phản ánh, tính toán, ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng. Tình hình phát sinh, hiện

có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị....

- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời để lập báo cáo tiêu thụ.
- Lựa chọn phương pháp tính giá vốn hàng xuất bán phù hợp.
- Theo dõi chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu, phải thu, chi phí của từng hoạt động của DN. Theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng. Phản ánh tính toán và kết chuyển chính xác kết quả của từng hoạt động kinh doanh trong kỳ của DN nhằm xác định và phân phối kết quả kinh doanh đúng đắn hợp lý.
- Theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập các báo cáo tài chính.
- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách tâm vĩ mô.
- Đưa ra kiến nghị, biện pháp hoàn thiện việc tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh. Cung cấp cho ban lãnh đạo có những kế hoạch cụ thể cho hoạt động DN.

## **1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

### ***1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ***

#### ***1.2.1.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

##### ***\* Chứng từ sử dụng***

- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT – 3LL) với DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01 GTGT – 3LL) với DN nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.



- Giấy báo có của Ngân hàng, sổ phụ Ngân hàng
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, ủy nhiệm thu ...)
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ khác có liên quan

**\* Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 511: *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.*

Các tài khoản cấp 2:

- + TK 5111: *Doanh thu bán hàng hóa.*
- + TK 5112: *Doanh thu bán các thành phẩm.*
- + TK 5113: *Doanh thu cung cấp dịch vụ.*
- + TK 5118: *Doanh thu khác.*

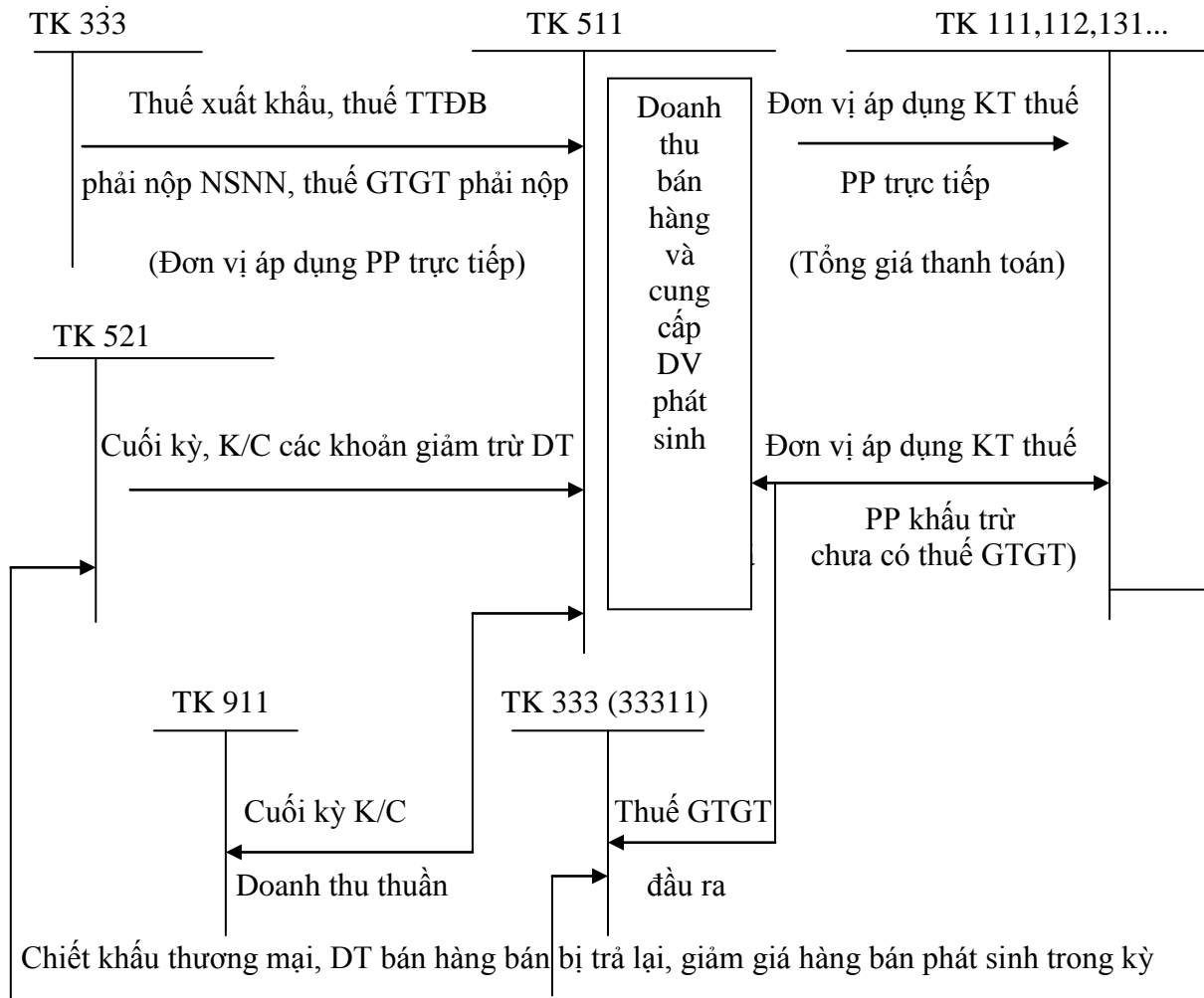
**Kết cấu tài khoản**

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phản ánh số thuế TTĐB, thuế XK tính trên doanh số bán trong kỳ.</li> <li>- Số giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu.</li> <li>- K/c doanh thu thuần vào TK 911.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, và cung cấp dịch vụ của DN thực hiện trong kỳ kế toán.</li> </ul>
<b>Tổng số PS nợ</b>		<b>Tổng số PS có</b>

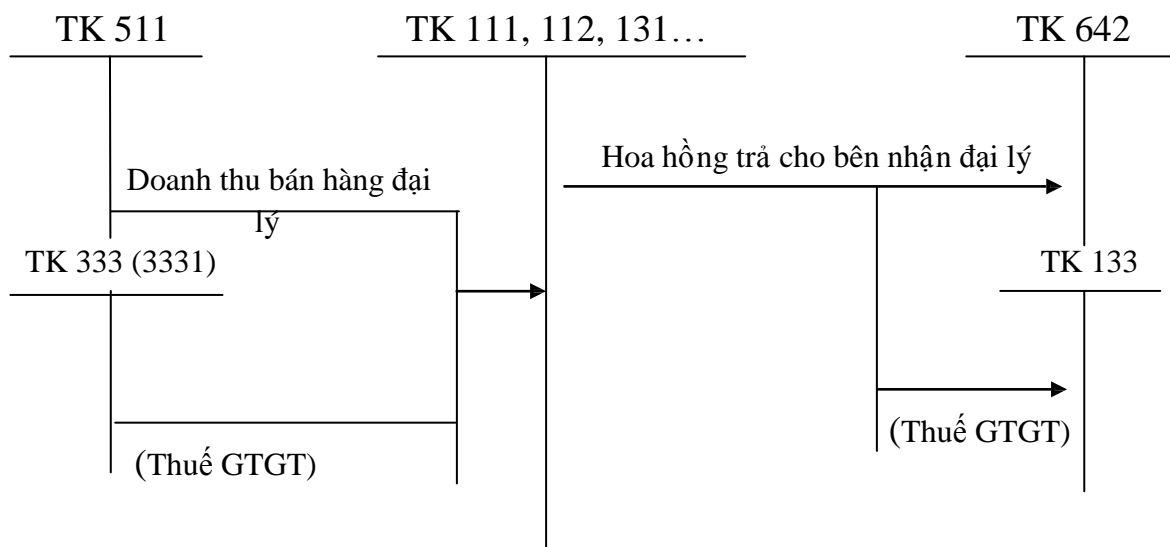
TK 511 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ hạch toán

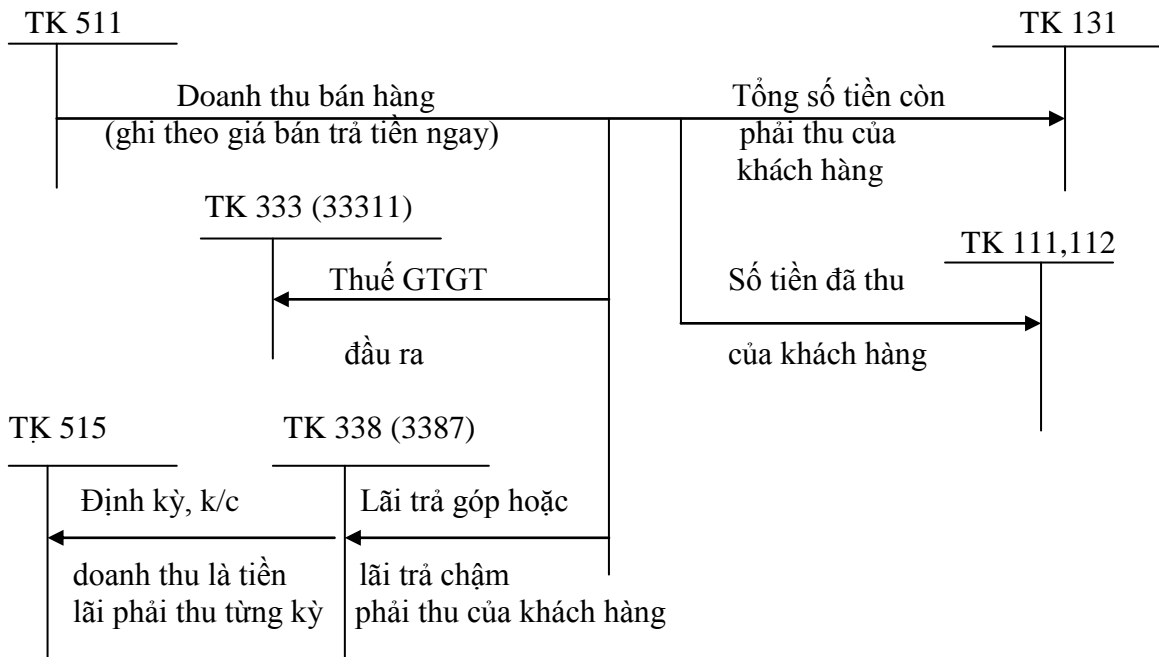
Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ



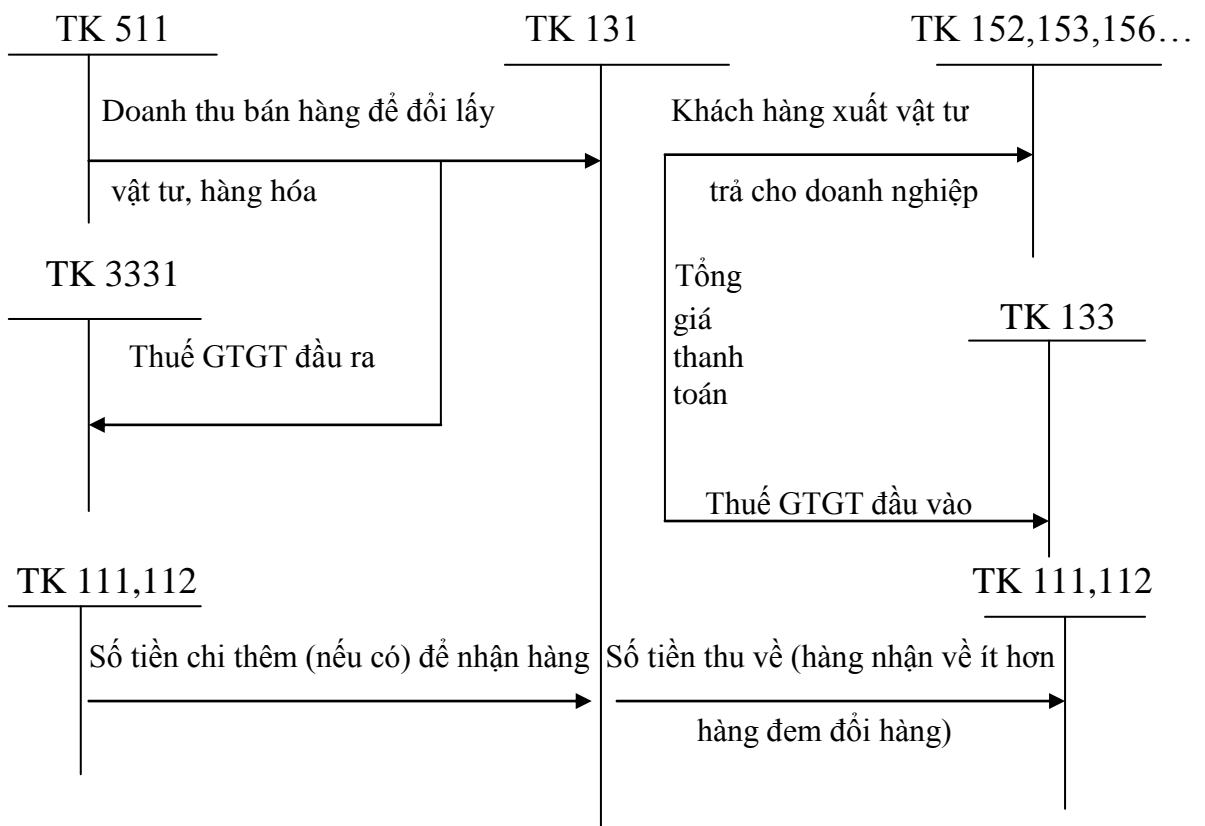
Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu thông qua đại lý trong doanh nghiệp vừa và nhỏ



**Sơ đồ 1.3: Kế toán doanh thu theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp) trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**



**Sơ đồ 1.4: Kế toán doanh thu theo phương thức trao đổi hàng trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**



1.2.1.2. Tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại.

**\* Chứng từ kế toán**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi
- Phiếu nhập kho
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan.

**\* Tài khoản sử dụng**

- TK 521 "*Các khoản giảm trừ doanh thu*"

Các TK cấp 2:

- + TK 5211 - *Chiết khấu thương mại*
- + TK 5212 - *Hàng bán bị trả lại*
- + TK 5213 - *Giảm giá hàng bán*

**Kết cấu tài khoản**

**Tài khoản 521 “Các khoản giảm trừ doanh thu”**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra.</li> <li>- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

**Sơ đồ hạch toán**

**Sơ đồ 1.5: Kế toán chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong DN vừa và nhỏ**

<u>111, 112, 131</u>	<u>521 – Các khoản giảm trừ DT</u>	<u>511</u>
<p>Chiết khấu TM, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh (DN tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)</p>	<p>Giá bán chưa có thuế GTGT <b>33311</b> Thuế GTGT</p>	<p>Cuối kỳ k/c khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán</p>
<p>Chiết khấu TM, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh (DN tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)</p>		

*1.2.1.3. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính*

**\* Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu, giấy báo có
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

**\* Tài khoản sử dụng**

TK 515: *Doanh thu hoạt động tài chính*

**Kết cấu tài khoản**

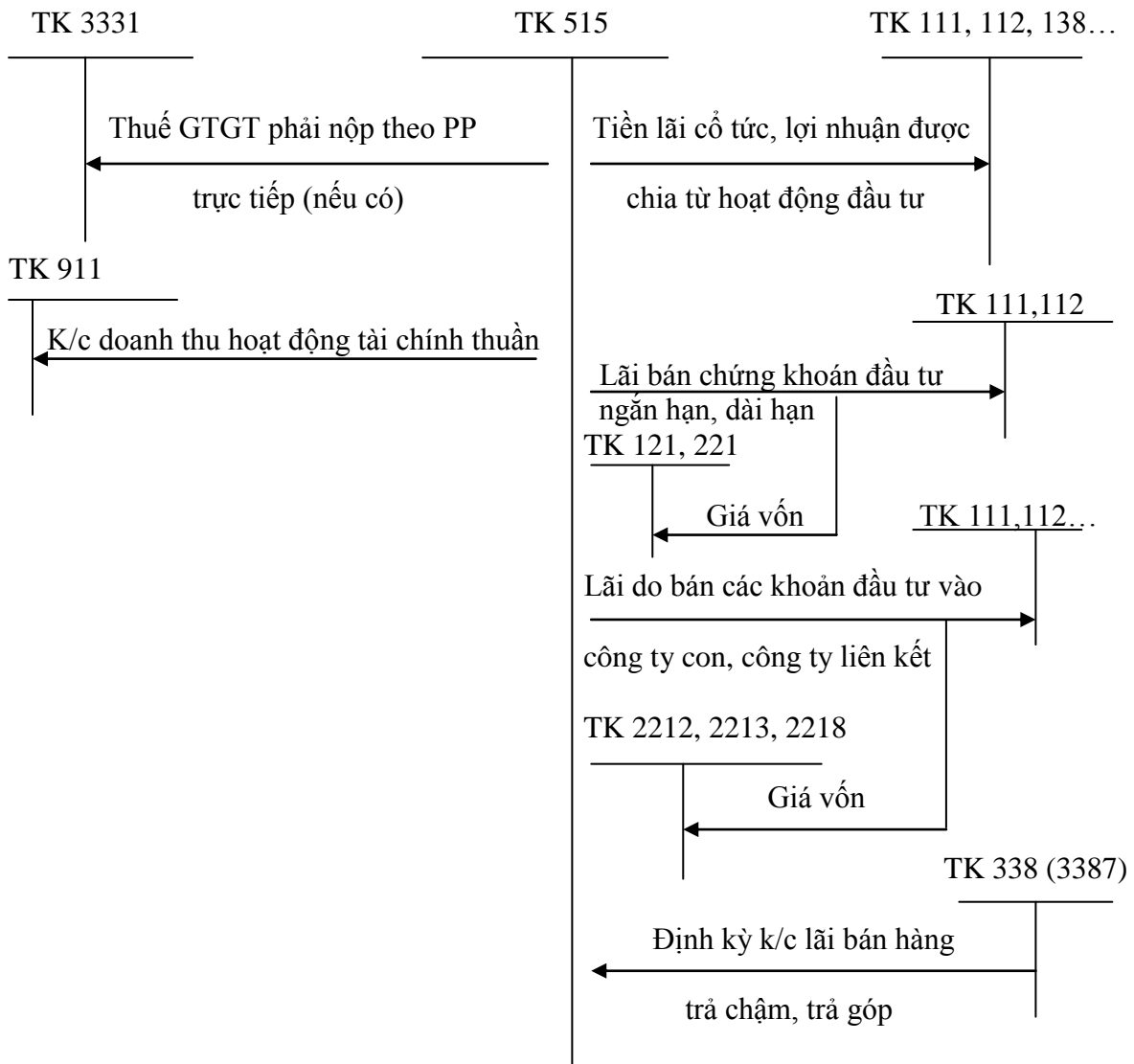
**Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).</li> <li>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền lãi</li> <li>- Thu nhập cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản</li> <li>- Chênh lệch do bán ngoại tệ</li> <li>- Thu nhập về hoạt động đầu tư CK</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

**Sơ đồ hạch toán**

**Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**



**1.2.1.4. Tổ chức kế toán thu nhập khác**

**\* Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Phiếu kê - Biên bản thanh lý tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan.

**\* Tài khoản sử dụng**

- TK 711: Thu nhập khác

TK 711 – Dừng phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu cho DN. Gồm:

- Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
- Thu nhập quà biếu tặng bằng tiền, hiện vật
- Các khoản thu nhập khác...

**Kết cấu tài khoản**

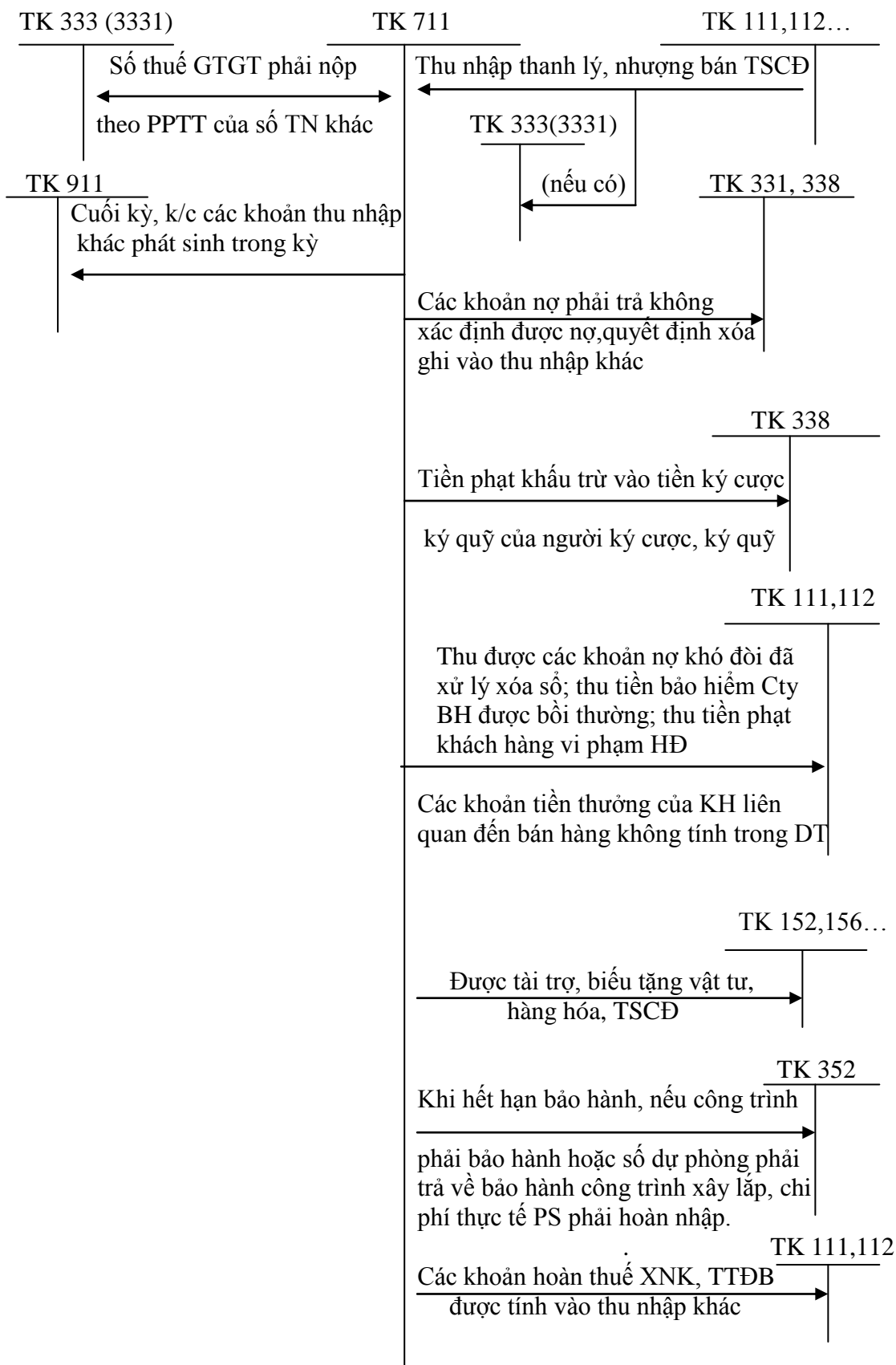
**Tài khoản 711 “Thu nhập khác”**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.</li> <li>- Kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ</li> <li>- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ</li> <li>- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng. Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ</li> <li>- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; thu nhận quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho DN</li> <li>- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót.</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác trong doanh nghiệp vừa và nhỏ





## 1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

### 1.2.2.1. Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá bán ra trong kỳ - đối với DN thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Đối với DN thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

$$\text{Trị giá thực tế của hàng hóa} = \text{Số lượng hàng hóa xuất kho} \times \text{Đơn giá xuất kho}$$

Để tính giá trị hàng xuất kho, kế toán có thể áp dụng 1 trong 4 phương pháp tính giá trị hàng xuất kho theo quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 – “Hàng tồn kho”:

#### \* Phương pháp bình quân gia quyền

Trị giá thực tế của hàng hóa, thành phẩm xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa, thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền.

$$\text{Trị giá vốn của hàng hoá xuất kho} = \text{Số lượng hàng hoá xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

#### - Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

#### - Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

#### \* Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Được áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời

điểm cuối kỳ. Giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

**\* Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)**

Được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

**\* Phương pháp thực tế đích danh**

Khi xuất lô hàng nào thì tính giá vốn theo giá thực tế nhập kho đích danh của lô hàng đó. Giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ lúc nhập kho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh).

**\* Chứng từ sử dụng:** Phiếu xuất kho, các chứng từ khác có liên quan.

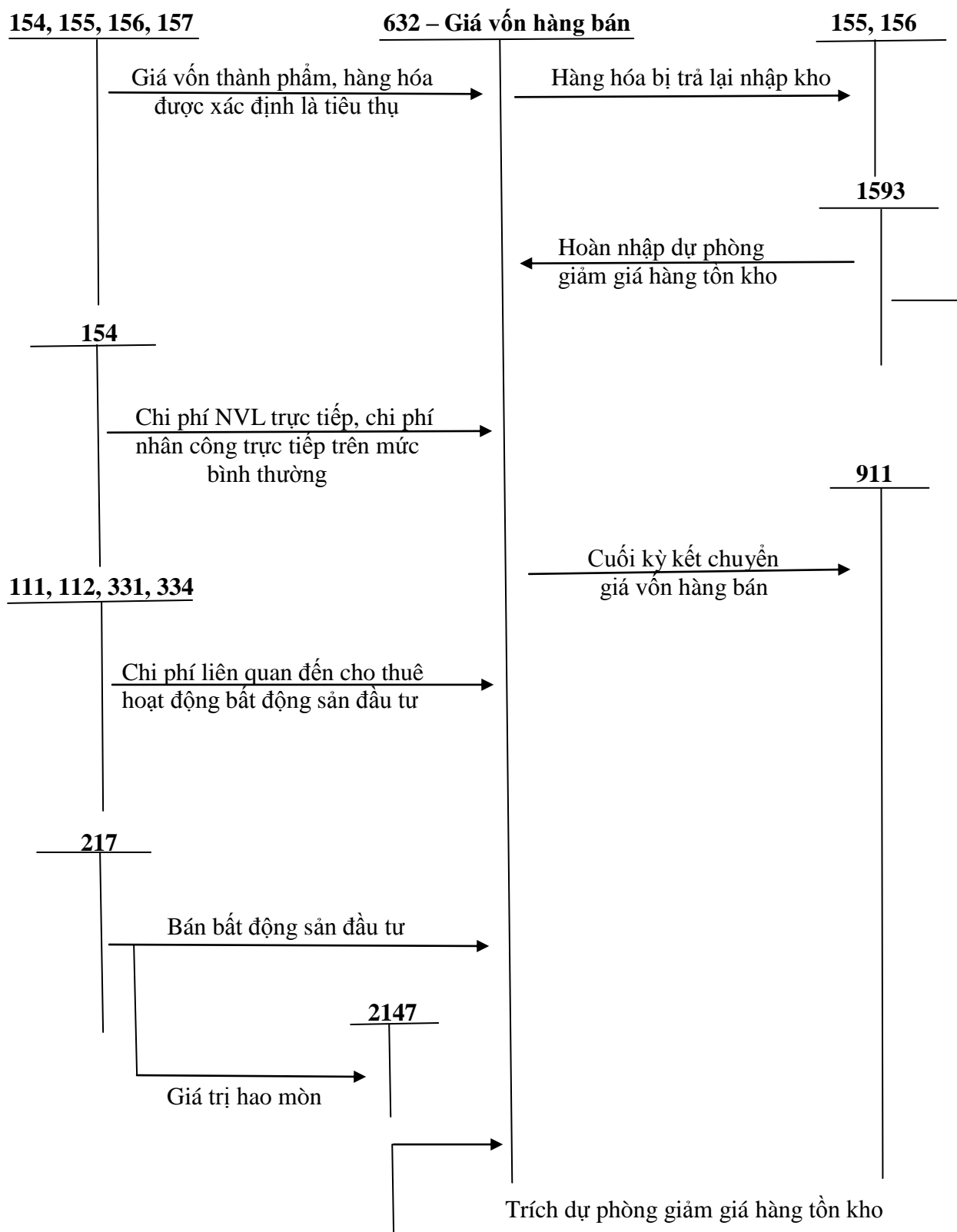
**\* Tài khoản sử dụng:** TK 632 “*Giá vốn hàng bán*”

**Kết cấu tài khoản**

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát sinh giá vốn trong kỳ.</li> <li>- Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</li> <li>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa phát sinh trong kỳ.</li> </ul>	
<b>Tổng số PS bên Nợ</b>	<b>Tổng số PS bên Có</b>	

*TK 632 không có số dư cuối kỳ*

**Sơ đồ 1.8: Kế toán giá vốn hàng bán trong DN vừa và nhỏ theo PP kê khai thường xuyên**



1.2.2.2. Tổ chức kế toán chi phí tài chính

\* Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

\* Tài khoản sử dụng: TK 635 “Chi phí tài chính”

**Kết cấu tài khoản**

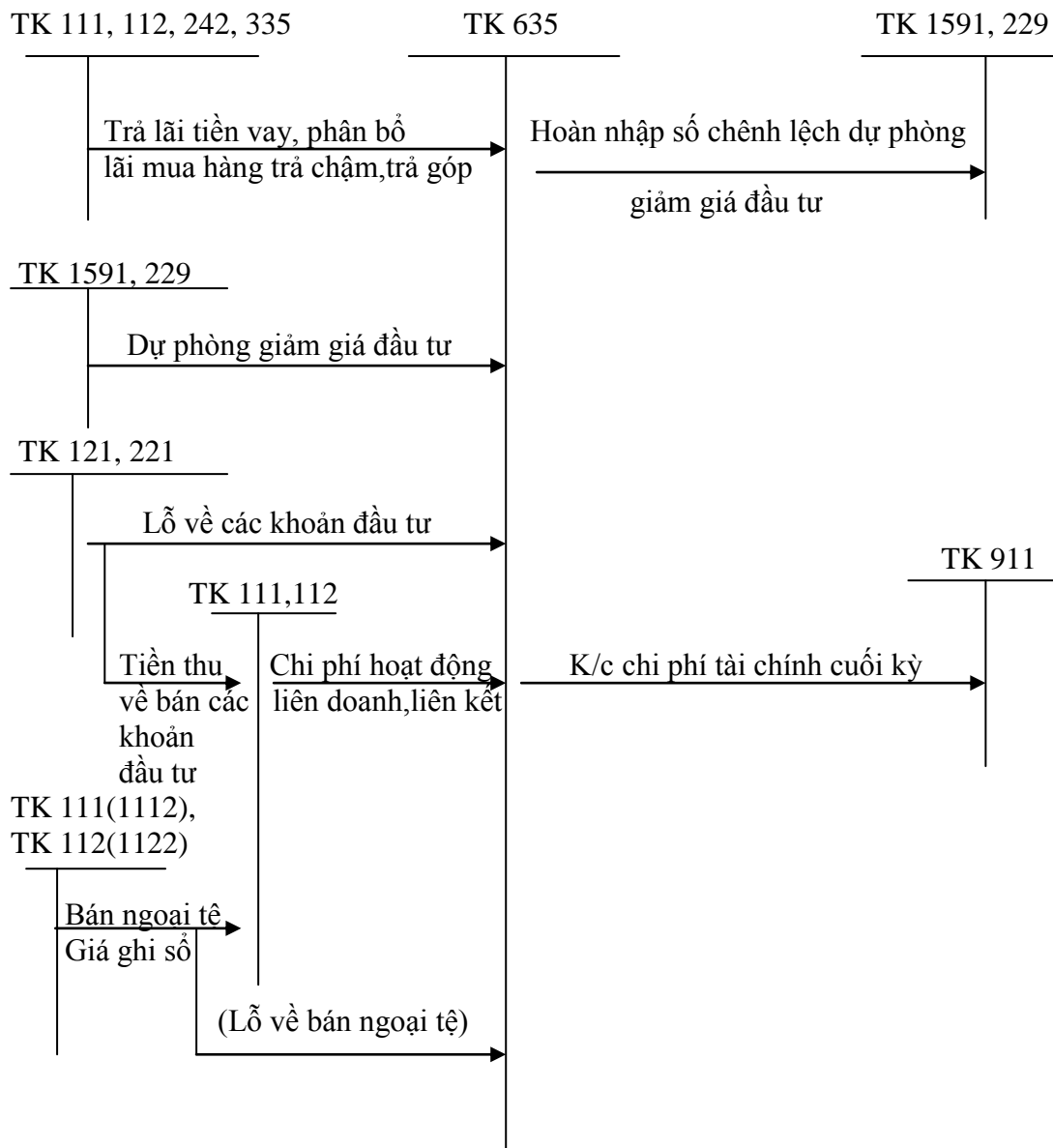
**Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”**

<ul style="list-style-type: none"><li>- Các khoản chi phí hoạt động tài chính.</li><li>- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.</li><li>- Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế.</li><li>- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.</li><li>- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.</li><li>- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.</li></ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

**Sơ đồ hạch toán**

**Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí tài chính trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**



**1.2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý của từng đơn vị TK 642 có thể mở chi tiết theo từng loại chi phí như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN. Trong từng loại chi phí được theo dõi chi tiết theo từng nội dung chi phí.

**\* Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi, Giấy báo Nợ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (BHXH)

- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ (NVL – CCDC)
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu kế toán...

**\* Tài khoản sử dụng**

TK 642: *Chi phí quản lý kinh doanh*

Các tài khoản cấp 2:

- TK 6421 - *Chi phí bán hàng*
- TK 6422 - *Chi phí quản lý DN*

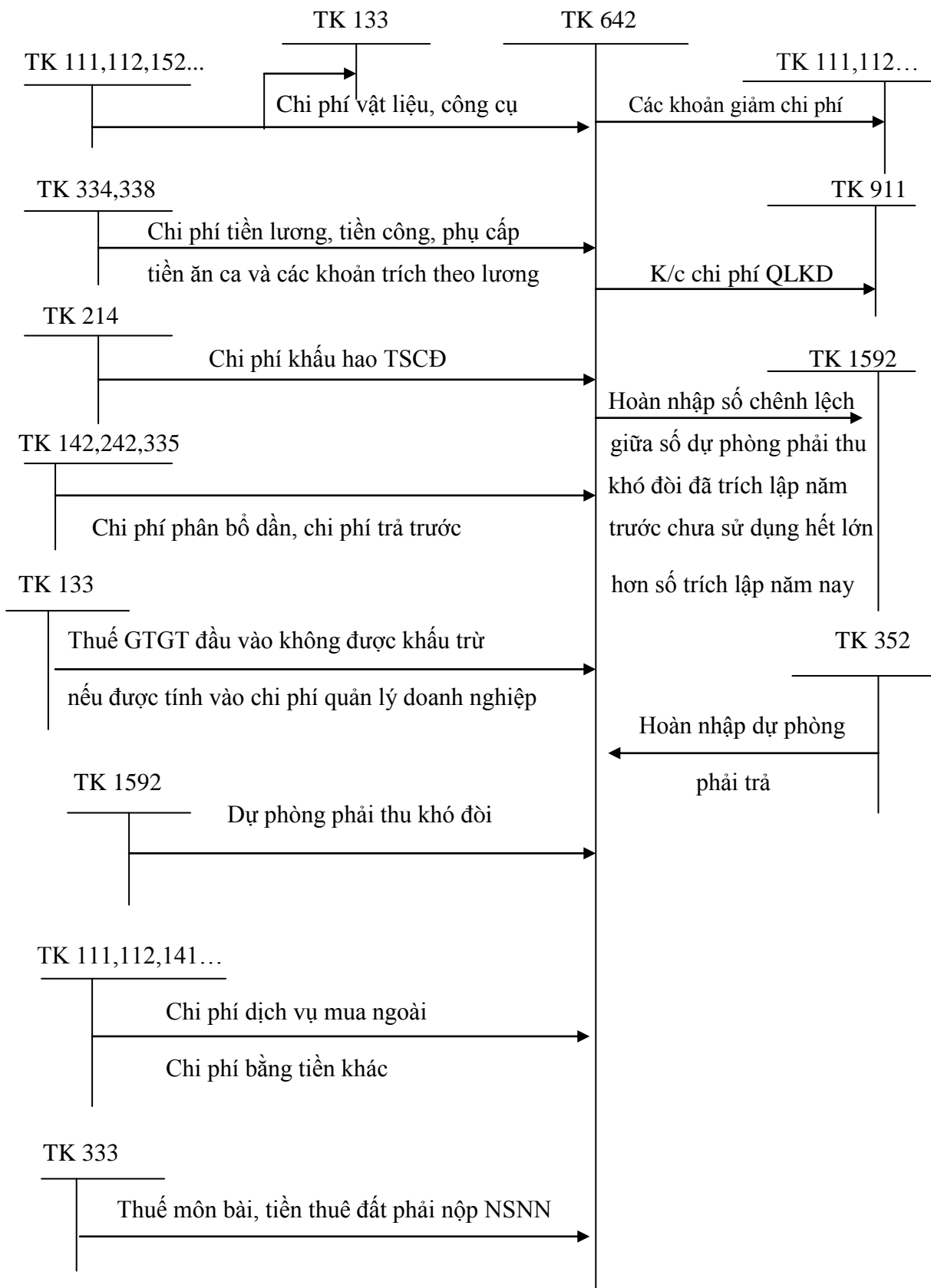
**\* Kết cấu tài khoản**

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ;</li> <li>- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả;</li> <li>- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản ghi giảm chi phí kinh doanh trong kỳ</li> <li>- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911.</li> </ul>	
<b>Tổng số PS Nợ</b>		<b>Tổng số PS Có</b>

*TK 642 không có số dư cuối kỳ*

Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ



1.2.2.4. Tổ chức kế toán chi phí khác

\* Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

\* Tài khoản sử dụng: TK 811 “Chi phí khác”

**Kết cấu tài khoản**

TK 811: Chi phí khác, bao gồm:

- Chi phí thanh lý và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Bị phạt thuế, truy thu thuế
- Các khoản chi phí khác...

**Kết cấu tài khoản**

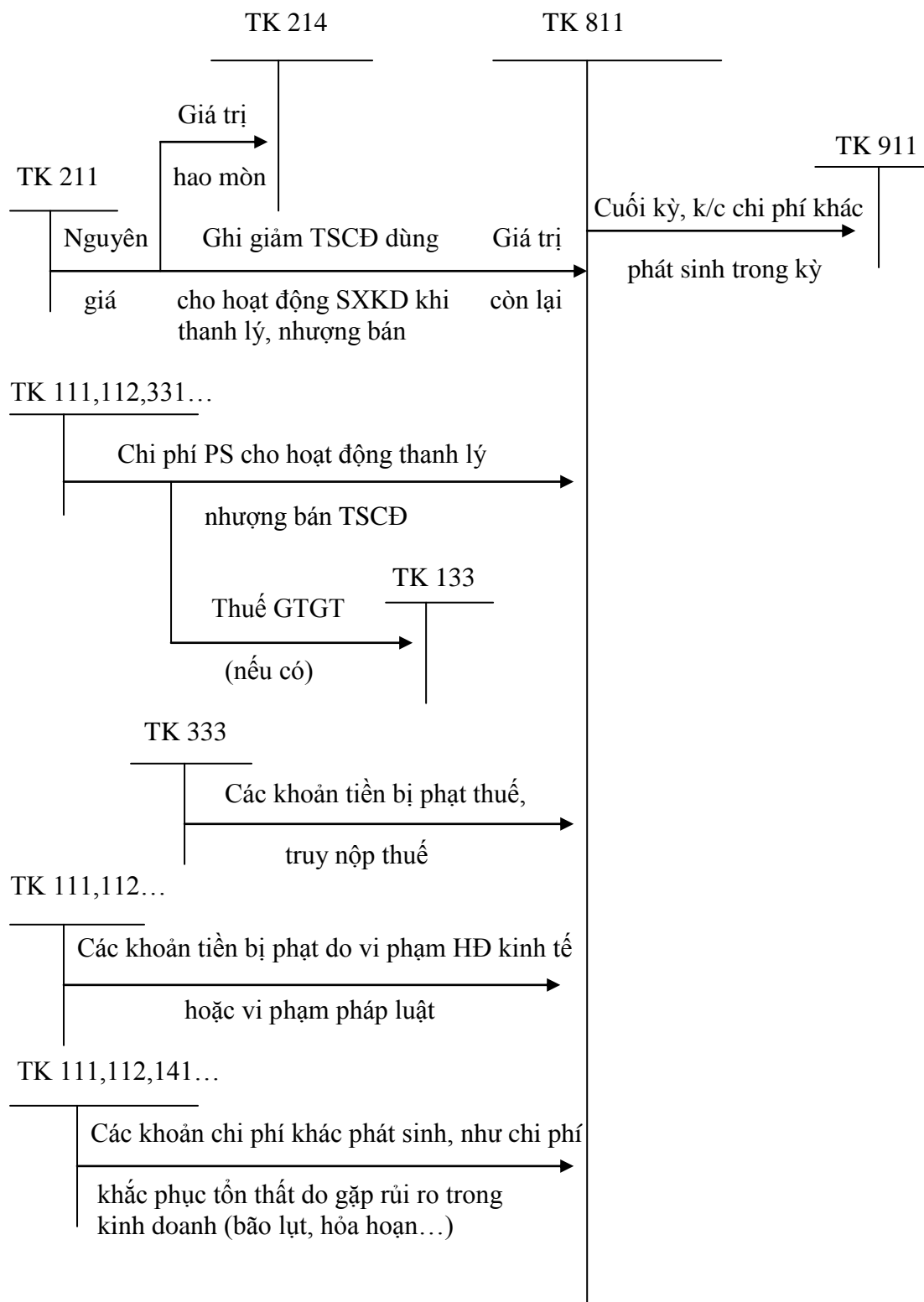
Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ.		- K/c toàn bộ các khoản chi phí vào TK 911.
<b>Tổng số PS Nợ</b>		<b>Tổng số PS Có</b>

TK 811 không có số dư cuối kỳ



Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí khác trong doanh nghiệp vừa và nhỏ



**1.2.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh doanh nghiệp vừa và nhỏ**

**\* Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán
- Chứng từ liên quan khác

**\* Tài khoản sử dụng**

- TK 911: *Xác định kết quả kinh doanh*
- TK 821: *Chi phí thuế thu nhập DN*

**Kết cấu tài khoản**

Nợ	TK 821	Có
- Phát sinh CP thuế TNDN trong kỳ. - Xác định CP thuế TNDN trong kỳ.		- Kết chuyển CP thuế TNDN trong kỳ.
<b>Tổng số PS Nợ</b>		<b>Tổng số PS Có</b>
X		

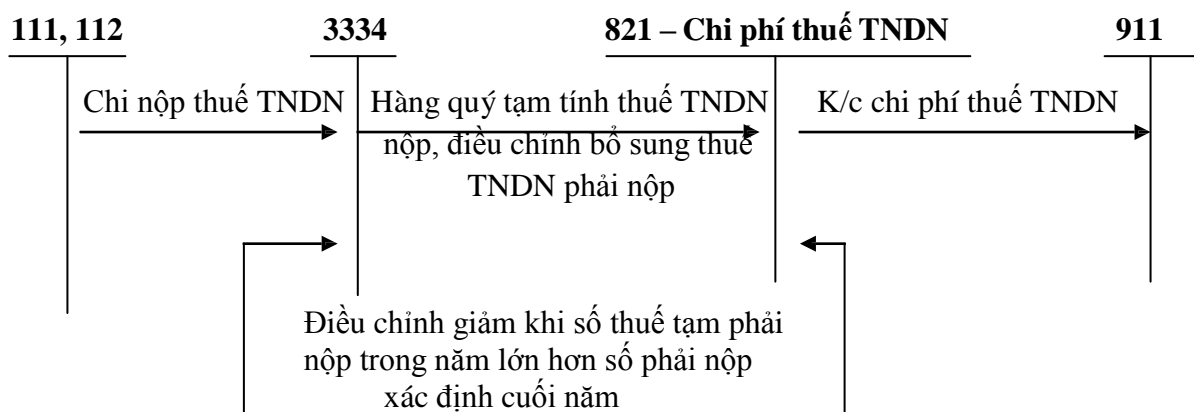
*TK 821 không có số dư cuối kỳ*

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán - Chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác - Chi phí quản lý kinh doanh - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số SP, HH, bất động sản đầu tư và DV đã bán trong kỳ - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN - Kết chuyển lỗ.
<b>Tổng số PS Nợ</b>		<b>Tổng số PS Có</b>
X		

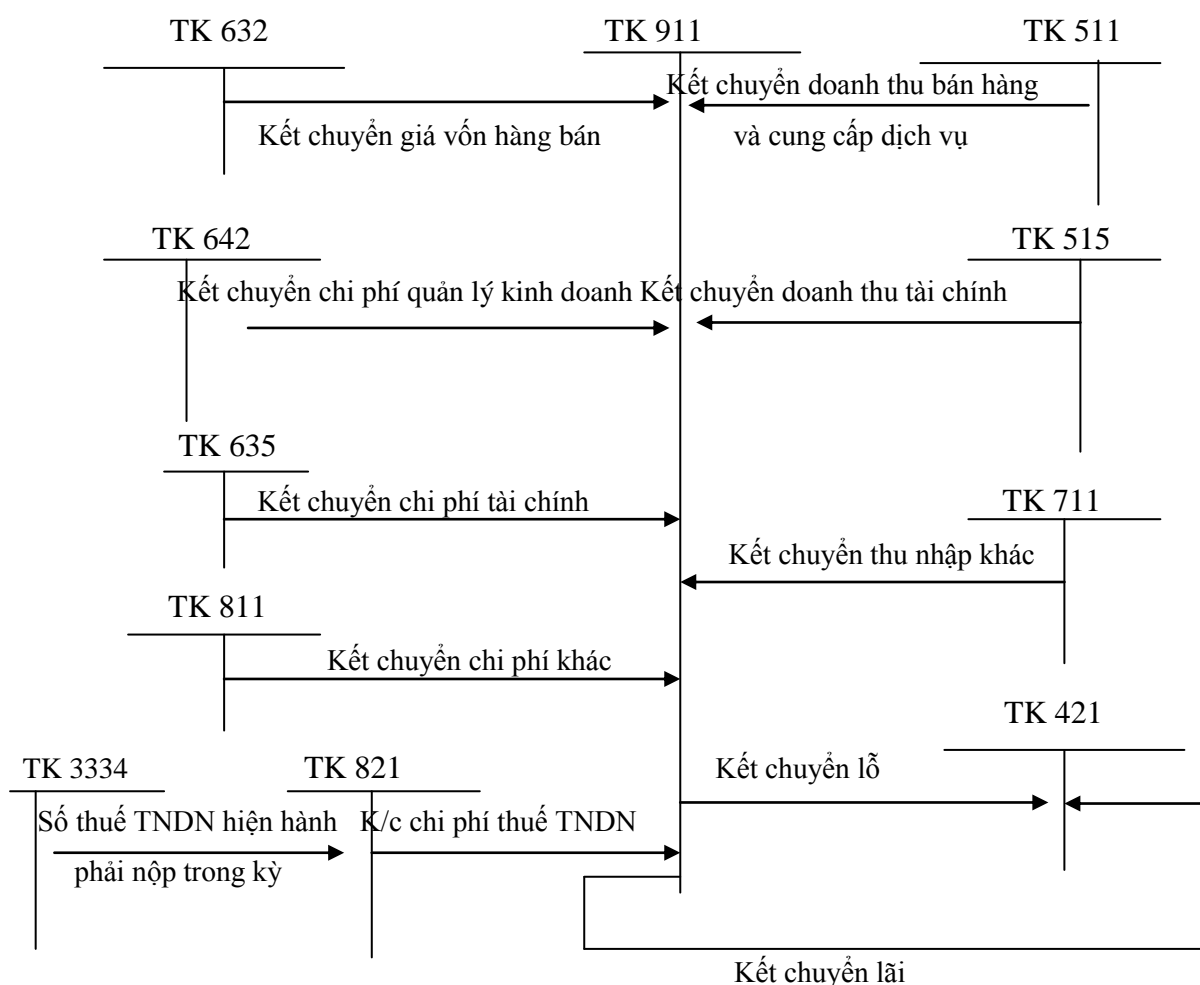
*TK 911 không có số dư cuối kỳ*

Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.12: Kế toán Chi phí thuế thu nhập DN trong DN vừa và nhỏ



Sơ đồ 1.13: Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ



### 1.3. Tổ chức luân chuyển chứng từ, sổ sách trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp vừa và nhỏ

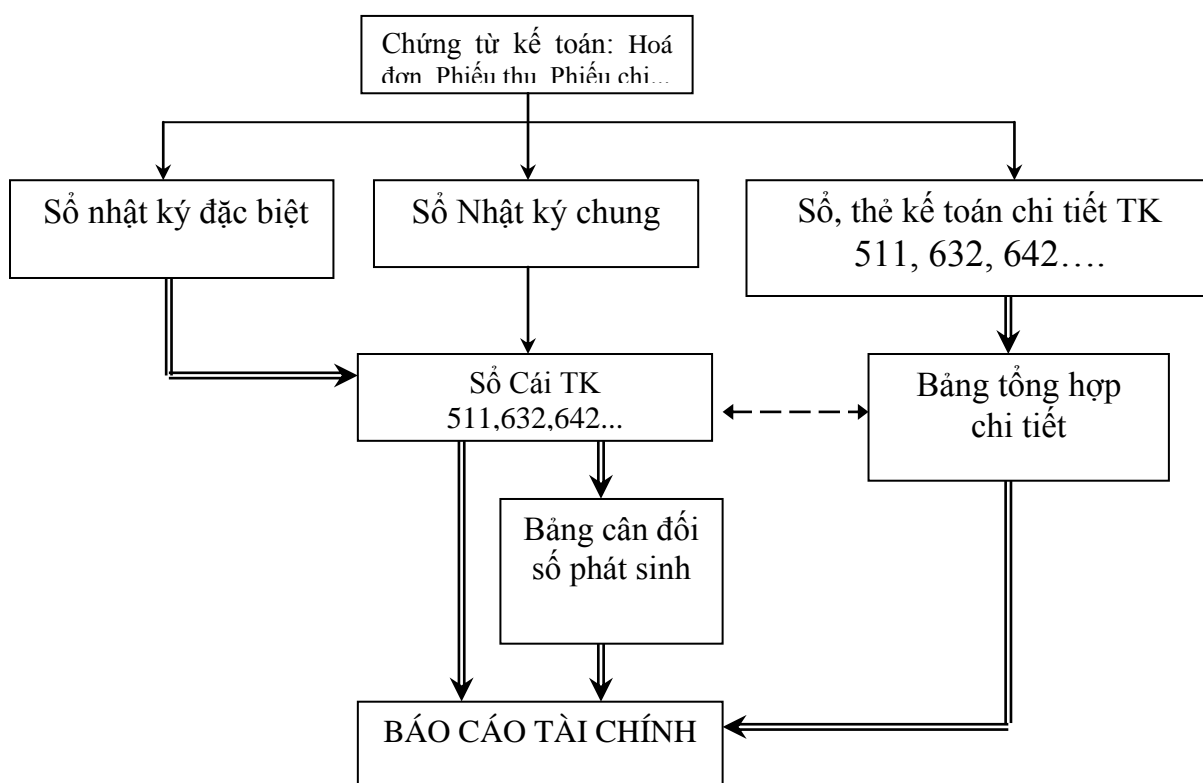
#### 1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

Các loại sổ chủ yếu:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**



- Ghi chú:
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
  - ↔ Đối chiếu, kiểm tra

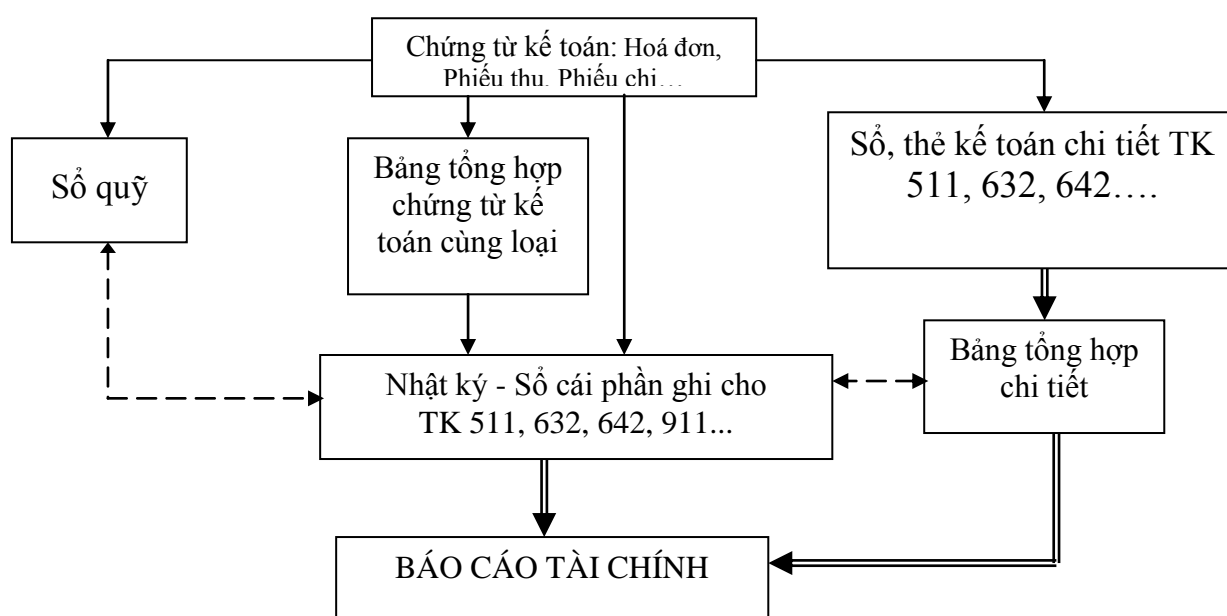
### 1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Các loại sổ chủ yếu:

- Nhật ký - Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái**



- Ghi chú
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
  - ↔ Đối chiếu, kiểm tra

### 1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

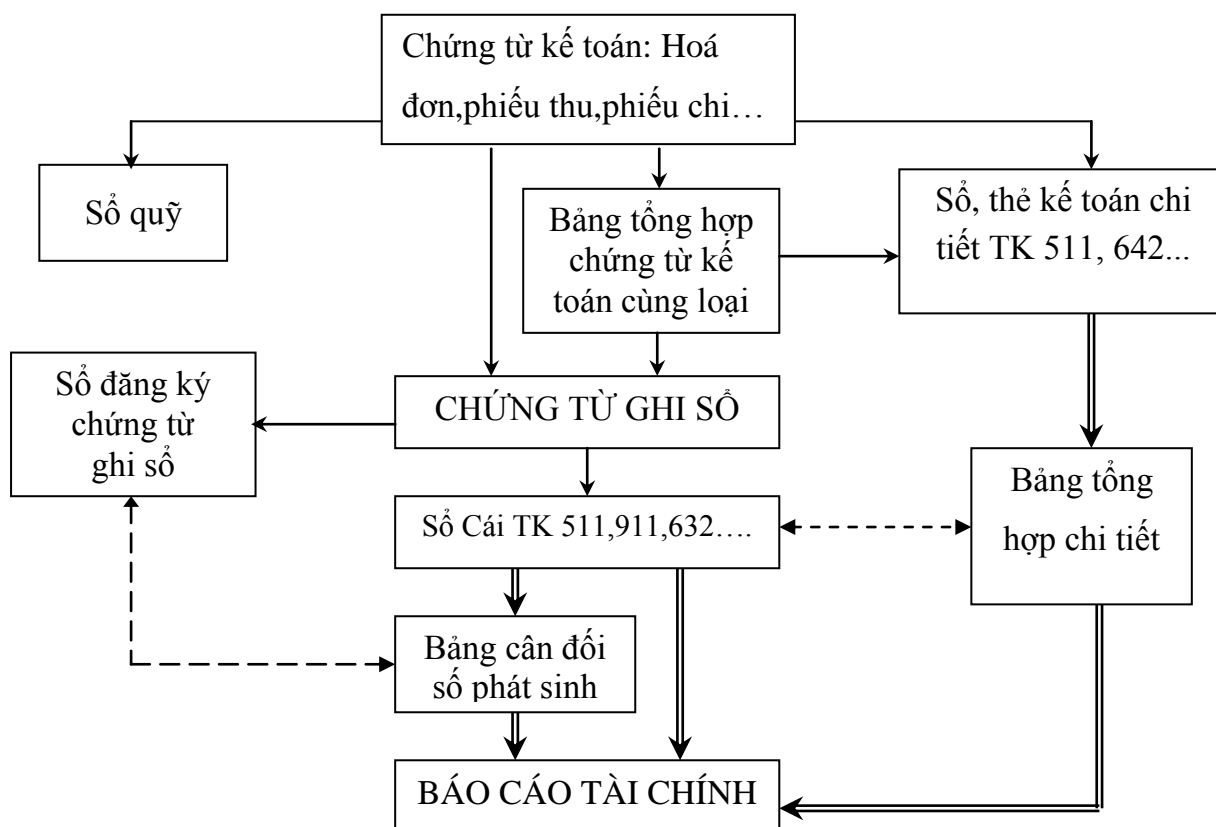
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng

tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Các sổ kế toán: Chứng từ ghi sổ

- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**



- Ghi chú
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
  - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

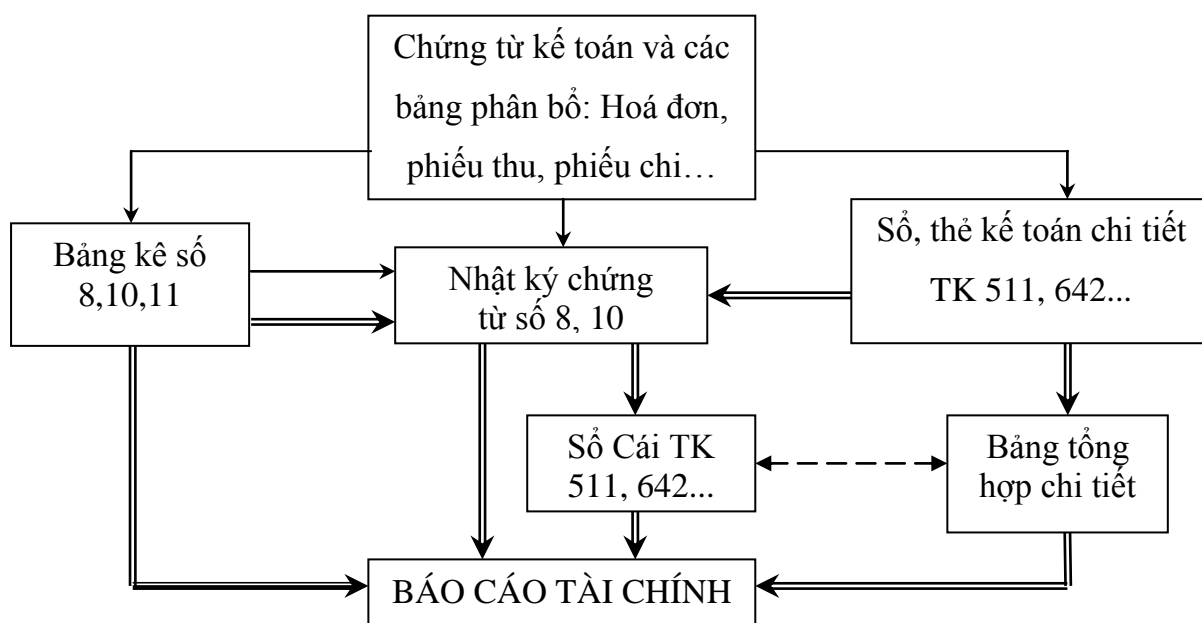
#### 1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

Đặc trưng cơ bản: Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

Các loại sổ chủ yếu:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ**



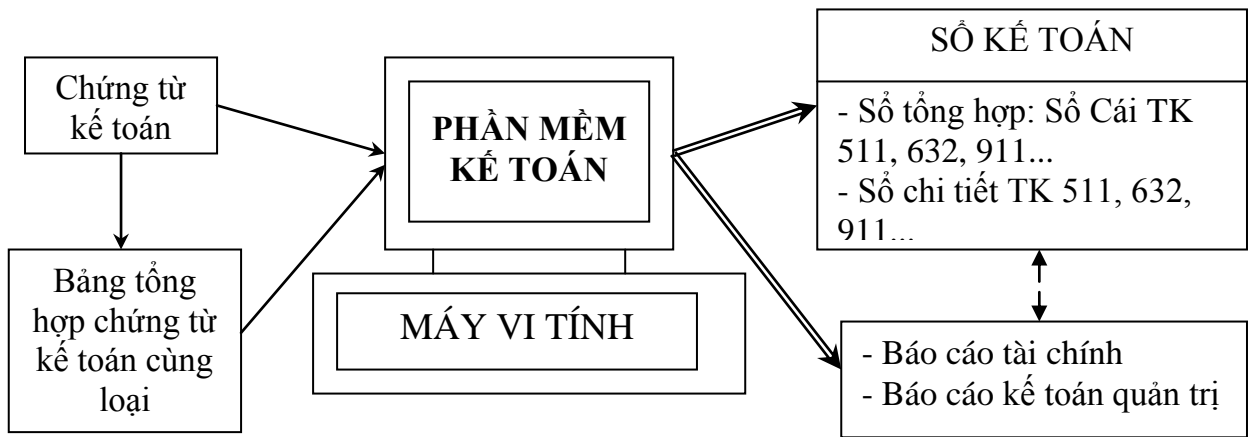
- Ghi chú
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
  - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

### 1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản: công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy



- Ghi chú:
- Nhập số liệu hàng ngày
  - ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
  - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU PHÚC LÂM**

### **2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm**

#### ***2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm***

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập Khẩu Phúc Lâm

Địa chỉ trụ sở chính: Số 53/111 Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 031.3721739

Fax: 031.3721799

Mã số thuế: 0201080654

Vốn điều lệ: 1.700.000.000 Việt Nam Đồng

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Vũ Thị Hương Giang

Ngành nghề kinh doanh: Mua bán các loại vật liệu như: inox, nhôm, mica...; kinh doanh đồ gỗ nội thất. Thiết kế & gia công biển quảng cáo, tem mác bằng các chất liệu nhựa, inox, mica...

Giấy phép kinh doanh số: 0201080654 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 07 năm 2010.

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm là loại hình Công ty kinh doanh thương mại. Công ty từ một cơ sở kinh doanh đồ gỗ nội thất, nhận làm & gia công biển quảng cáo, tem mác... kinh doanh nhỏ lẻ, tự phát và chỉ có 3 nhân viên bán hàng. Sau một thời gian hoạt động có hiệu quả, việc kinh doanh ngày càng phát triển, thị trường ngày càng được mở rộng, đòi hỏi cần phải thành lập một Công ty. Đến năm 2010, hai thành

viên: Vũ Thị Hương Giang và Nguyễn Đức Thuyết đã quyết định góp vốn thành lập công ty, lấy tên là: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm. Ngày 12 tháng 07 năm 2010 Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Công ty bắt đầu đi vào hoạt động chính thức từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Công ty đã nộp thuế đầy đủ, đóng góp một phần vào ngân sách nhà nước, đồng thời góp phần tích cực trong việc tạo công ăn việc làm cho người lao động. Mặc dù được thành lập chưa lâu nhưng Công ty cũng đã tạo được uy tín trên thị trường. Cũng như các ngành nghề khác khi tham gia vào thị trường luôn có đối thủ cạnh tranh. Công ty cũng phải tìm hiểu thị trường, nắm bắt nhu cầu khách hàng, biết rõ điểm mạnh yếu của công ty cũng như các đối thủ cạnh tranh. Từ đó đưa ra những chiến lược phù hợp với năng lực của công ty và thị trường.

**\* Một số chỉ tiêu tài chính đánh giá quá trình phát triển của Công ty**

*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Doanh thu	719.525.018	723.807.056	3.070.351.064
Lợi nhuận sau thuế	19.023.558	19.797.762	162.079.678
Thu nhập bình quân đầu người/tháng	2.685.776	2.956.889	3.208.564
Nộp ngân sách	31.010.459	30.976.012	40.519.920

**Bảng số 2.1: Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty trong năm 2012 - 2014**

*(Nguồn: Trích Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm)*

Thông qua số liệu trên ta thấy tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm qua các năm có

những biến động tốt lên. Ta thấy lợi nhuận của Công ty đạt được ổn định từ năm 2012-2013 và tăng tương đối mạnh năm 2014. Năm 2014 lợi nhuận của Công ty tăng 139.327.485 đồng so với năm 2013. Doanh thu của Công ty tăng 2.346.544.008 đồng làm cho lợi nhuận và tiền lương của toàn Công ty tăng lên. Lý do: năm 2014 thị trường của Công ty được mở rộng, Công ty ký kết được những hợp đồng qua trọng, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Đây có thể coi là thành tích của Công ty trong hoạt động kinh doanh. Công ty đã không ngừng nâng cao trình độ tay nghề và ý thức của cán bộ công nhân viên; cũng như đầu tư mở rộng quy mô, thay đổi cơ cấu mặt hàng kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh góp phần phát triển Công ty. Đây là bước phát triển mà Công ty cần phát huy trong những năm tới.

Tuy nhiên bên cạnh những thành tích đã đạt được, Công ty vẫn phải khó khăn mà hầu hết Công ty nào khi vận hành cũng gặp phải: đó là vấn đề về vốn. Điều này, khiến cho việc kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn trong vấn đề sử dụng vốn sao cho hợp lý nhất mà không gây ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh.

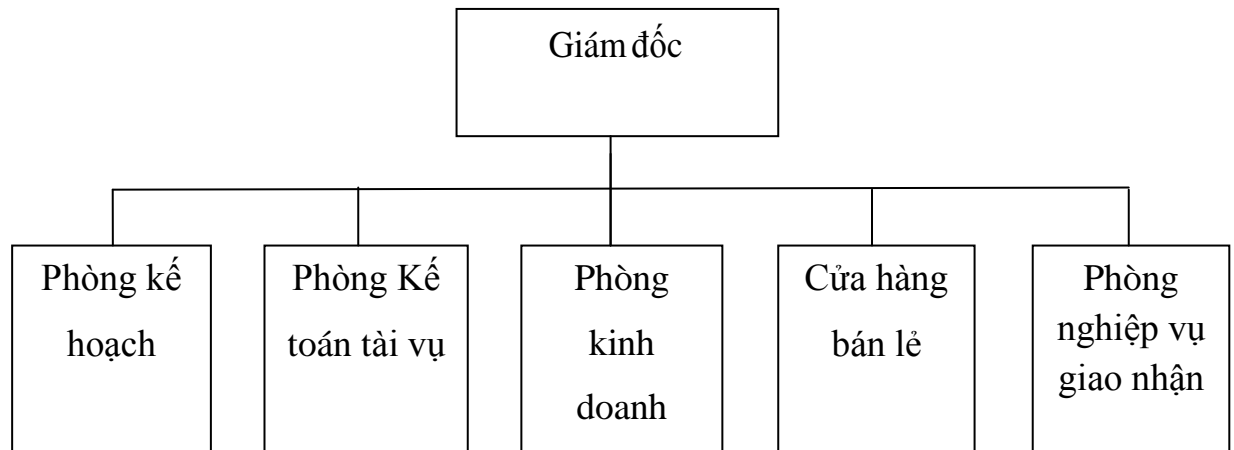
### ***2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm***

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm với ngành nghề kinh doanh chính là: Mua bán các loại vật liệu như: inox, nhôm, mica...; kinh doanh đồ gỗ nội thất. Thiết kế & gia công biển quảng cáo, tem mác bằng các chất liệu nhựa, inox, mica...

Công ty nhập hàng về rồi xuất bán lại cho các đơn vị, tập thể, cá nhân dưới hình thức bán buôn và bán lẻ. Những năm gần đây, nhu cầu về các mặt hàng đồ gỗ nội thất ngày càng tăng. Hơn nữa, việc cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường cũng khá gay gắt nên nhu cầu về quảng cáo, marketing cũng rất lớn... Vì vậy, hoạt động kinh doanh của công ty phát triển thuận lợi.

### 2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm xây dựng cơ cấu tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới.



**Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm**

#### \* **Giám đốc (kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị)**

- Là người đại diện theo pháp luật của công ty.
- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với Công ty về các vấn đề như: công tác quy hoạch, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tổ chức cán bộ...
- Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất trong Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động Công ty.

#### \* **Phòng Kế toán Tài vụ**

- Làm tham mưu giúp việc cho Giám đốc về tài chính kế toán, thực hiện hạch toán sản xuất kinh doanh, thanh quyết toán với Nhà nước.
- Phân tích đánh giá tình hình tài chính hiện tại của Công ty, đồng thời cân đối thu chi, lập dự toán trong tương lai các vấn đề về tài chính nhằm tham mưu cho Ban Giám đốc đưa ra các quyết định về tài chính.
- Thực hiện các hoạt động quản lý nguồn vốn, thực hiện các chế độ chính sách kế toán tài chính theo quy định của chế độ.

- Kiểm tra việc kiểm kê định kỳ hàng năm để quản lý điều hành, phục vụ quyết toán tài chính, lập báo cáo cuối năm phục vụ nhu cầu quản lý Công ty.

**\* Phòng kế hoạch**

- Ký kết các hợp đồng kinh tế, theo dõi tình hình kinh doanh, lập kế hoạch cung ứng vật tư, công nghệ, kỹ thuật, làm thủ tục thanh lý hợp đồng. Kết hợp với phòng tài chính đề xuất phương án giá, xác định chí phí sản xuất gia công sản phẩm. Đây là phòng tham mưu cho Giám đốc về công tác kế hoạch ngắn, dài hạn, trực tiếp điều hành hoạt động của toàn công ty.

- Tìm hiểu, phân tích các thông tin về thị trường đầu ra, đầu vào báo cáo giám đốc để giám đốc có phương hướng, quyết định điều chỉnh những yếu tố có liên quan đến sản phẩm của Công ty.

- Chịu trách nhiệm trong việc quảng cáo, tiếp thị sản phẩm. Làm nhiệm vụ tham mưu giúp cho Ban giám đốc trong việc lập kế hoạch kinh doanh, tổ chức công tác tiêu thụ sản phẩm.

- Tham mưu cho giám đốc về việc quản lý, công tác tổ chức nhân sự công ty.

- Thảo các công văn giấy tờ theo lệnh của giám đốc; tiếp nhận các công văn giấy tờ từ nơi khác gửi đến và bảo quản các giấy tờ tài liệu.

- Thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, các chế độ quy định về lương thưởng cho CBCNV, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

**\* Phòng nghiệp vụ giao nhận**

- Có nhiệm vụ làm các thủ tục nhập xuất hàng hóa, thuê phương tiện vận tải để vận chuyển theo đúng kế hoạch và thời gian.

- Cung ứng sản phẩm, hàng hóa đảm bảo cả về số lượng, chất lượng, giá cả.

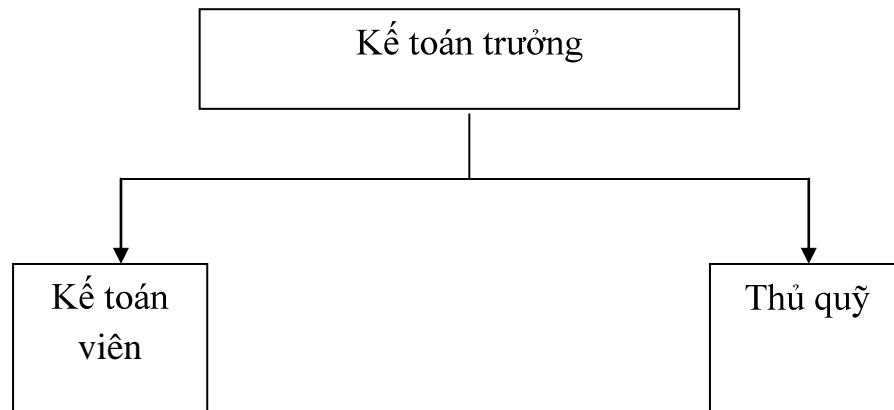
**\* Phòng kinh doanh**

- Trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động tiếp thị - bán hàng tới các khách hàng quen thuộc và tiềm năng của công ty; nhằm đạt mục tiêu về doanh thu.

### 2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm

#### 2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung và được thực hiện tại Phòng kế toán Tài vụ



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm

#### \* Chức năng, nhiệm vụ của Phòng kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm

- Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán. Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán.

- Phân tích thông tin, số liệu kế toán; tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán.

- Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật.

Phòng kế toán tài vụ của Công ty được tổ chức như sau:

#### \* Kế toán trưởng

- Phụ trách, chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của Công ty. Lập kế hoạch tài chính, dự toán thu chi các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Là kiểm soát viên kinh tế tài chính.
- Tham vấn cho giám đốc có thể đưa ra các quyết định hợp lý. Phân tích, cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho Ban lãnh đạo Công ty, người chịu trách nhiệm chính cao nhất trước giám đốc và pháp luật về số liệu báo cáo kế toán.
- Cuối kỳ kế toán, Kế toán trưởng và kế toán tổng hợp: tập hợp số liệu từ các bộ phận để tập hợp chi phí, tính giá thành, lập báo cáo tài chính, xác định kết quả và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty.

**\* Kế toán viên**

Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày trong Công ty, cụ thể:

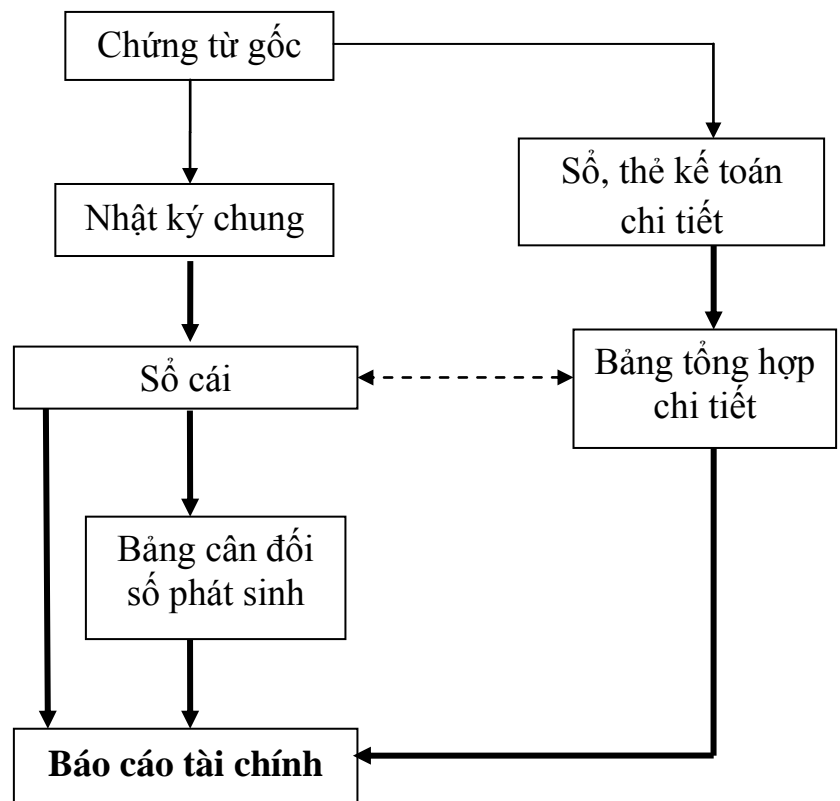
- Theo dõi tình hình thu, chi tiền mặt.
- Theo dõi các khoản phải thu, phải trả và tình hình thanh toán các khoản công nợ của Công ty.
- Theo dõi, quản lý và trích khấu hao tài sản cố định của công ty
- Lập bảng chấm công cho cán bộ công nhân viên và hàng tháng căn cứ vào bảng chấm công, đơn giá ngày công tính thu nhập cho từng người.
- Lập bảng thanh toán tiền lương

**\* Thủ quỹ**

- Có nhiệm vụ quản lý và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Chịu trách nhiệm thực hiện và theo dõi các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến thu, chi tiền mặt. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt.
- Quản lý, bảo quản tiền mặt.
- Kiểm kê, lập sổ quỹ theo quy định.
- Bảo quản, lưu trữ các chứng từ gốc, cung cấp dữ liệu cho kế toán thanh toán ghi sổ.

2.1.4.2. Hình thức kế toán, chế độ và các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

\* Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

Đối chiếu, kiểm tra ←- - - ->

**Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ Nhật ký chung.



- Sổ cái.

- Các sổ kế toán chi tiết

**\* Hệ thống báo cáo tài chính của Công ty bao gồm:**

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số: B01-DNN)

- Báo cáo kết quả kinh doanh (Mẫu số: B02-DNN)

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số: B03-DNN)

- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DNN)

- Bảng cân đối tài khoản (Mẫu số: F01-DNN)

**\* Chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng của Công ty**

Chế độ kế toán: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính.

Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: *Kê khai thường xuyên*

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: *Tính theo giá gốc*

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kì: *Nhập trước xuất trước (FIFO)*

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: *Phương pháp đường thẳng*

Phương pháp tính thuế: *Phương pháp khấu trừ*

**2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm**

**2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm**

**\* Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty**

- Hóa đơn GTGT

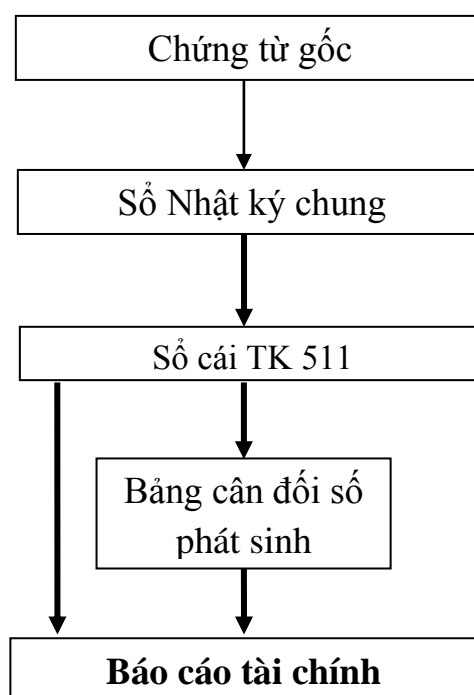
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có...

- Các chứng từ liên quan khác.

**\* Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty**

- TK 511: *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

- \* **Phương thức bán hàng:** Phương thức bán hàng trực tiếp
- \* **Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty**
  - Sổ Nhật ký chung
  - Sổ cái TK 511
- \* **Hình thức thanh toán:**
  - Tiền mặt
  - Chuyển khoản
- \* **Trình tự hạch toán doanh thu tại Công ty**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày           →

Ghi định kỳ             →

**Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty  
Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm**

Căn cứ vào các chứng từ gốc, hàng ngày kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Hàng tháng dựa vào sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành vào sổ cái tài khoản doanh thu. Sau đó so sánh số liệu giữa sổ cái và sổ tổng hợp chi tiết. Cuối năm tài chính, dựa trên số liệu các sổ cái; kế toán lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

**Ví dụ minh họa:**

Ngày 26/12/2014, xuất kho hàng hóa bán cho công ty TNHH Mai Hoàng; tổng giá thanh toán: 40.766.000 (thuế GTGT 10%). Khách hàng chưa thanh toán.

**Biểu số 2.1: Đơn đặt hàng của Công ty TNHH Mai Hoàng**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----☺-----

**ĐƠN ĐẶT HÀNG**

**BÊN A: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm**

Đại diện: Bà Vũ Thị Hương Giang

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 53/111 Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 031.3721739

Fax: 031.3721799

Mã số thuế: 0201080654

Số tài khoản: 2112201020914

Tại: Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh HP.

**BÊN B: Công ty TNHH Mai Hoàng**

Người đại diện: Ông Nguyễn Mạnh Cường

Chức vụ: Phó Giám đốc

Địa chỉ: 241 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân - Hải Phòng

Điện thoại: 031.3724.703

Fax: 031.3771382

Mã số thuế: 0200632870

Số Tài khoản: 110.20517960.015

Tại: Ngân hàng kỹ thương Việt Nam (Techcombank) – Chi nhánh HP

*Hai bên thoả thuận và đồng ý thực hiện những điều mục sau:*

**Điều 1: Phạm vi cung cấp và giá cả**

S T T	Tên. nhãn hiệu	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Inox tấm 304L		Kg	460	460	68.000	31.280.000
2	Inox tấm 316		Kg	85	85	68.000	5.780.000
	<b>CỘNG</b>						<b>37.060.000</b>

Tổng giá trị: 37.060.000đ

(Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn./.)

- Giá trên được hiểu là giá giao dịch tại kho của Bên Bán
- Giá không thay đổi trong quá trình thực hiện đơn hàng
- Quy cách hàng hoá: Hàng mới 100%

### **Điều 2: Phương thức giao nhận**

- Thời gian giao hàng: Trong vòng 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày ký đơn hàng.
- Địa điểm giao hàng: Tại kho của Bên Bán
- Việc giao nhận hàng sẽ được hai bên tiến hành kiểm tra bằng mắt thường về số lượng, chất lượng bên ngoài hàng, ký xác nhận tại thời điểm giao hàng.

### **Điều 3: Điều khoản thi hành**

- Đơn đặt hàng này có hiệu lực kể từ ngày ký
- Đơn đặt hàng này được lập thành 02 bản. Mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

(Đã ký)

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

(Đã ký)

**Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 187 ngày 26/12/2014**

<b>HÓA ĐƠN</b>			Mẫu số: 01GTKT3/001		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Ký hiệu: AA/14P		
			Số HD: 0000187		
<i>Liên 3 : Lưu nội bộ</i>					
<i>Ngày 26 tháng 12 năm 2014</i>					
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY CP TMDV XNK PHÚC LÂM</b>					
Mã số thuế: 0201080654.....					
Địa chỉ: 53/111 Đông Khê, Ngô Quyền – HP.....					
Điện thoại: ..... Fax:.....					
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Mai Hoàng.....					
Mã số thuế: 0200632870.....					
Địa chỉ: 241 Trần Nguyên Hãn, P.Trần Nguyên Hãn, Lê Chân - HP.....					
Hình thức thanh toán:.....Số tài khoản:.....					
ST T	Tên hàng hóa. dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Inox tấm 304L	Kg	460	68.000	31.280.000
2	Inox tấm 316	Kg	85	68.000	5.780.000
<b>Cộng tiền hàng</b>					37.060.000
<b>Thuế GTGT : 10%</b>					<b>Tiền thuế GTGT</b>
					3.706.000
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>					40.766.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn mươi triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng chẵn./.</i>					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
(Đã ký)		(Đã ký)		(Đã ký)	
<i>(Cần kiểm tra. đối chiếu khi lập. giao nhận hóa đơn)</i>					

*(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm)*

**Biểu số 2.3: Sổ nhật ký chung**

Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm  
53/111 Đông Khê, Ngô Quyền – HP

Mẫu số S03a-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			....		....	....
26/12/14	PX 168	26/12/14	Xuất kho bán hàng	632 156	32.717.000	32.717.000
26/12/14	HĐ 187	26/12/14	Bán hàng chưa thu tiền	131 511 3331	40.766.000	37.060.000 3.706.000
			....		....	....
31/12/14	BTTL 12/2014	31/12/14	Tính lương tháng 12 cho CBCNV	642 334	38.480.000	38.480.000
31/12/14	BTTL 12/2014	31/12/14	Tính các khoản trích theo lương tháng 12	642 338 334 338	9.235.200 4.040.400	9.235.200 4.040.400
31/12/14	PC 05/11	31/12/14	Trả lương tháng 12 cho CBCNV	334 111	34.439.600	34.439.600
			....		....	....
31/12/14	GBC 40278	31/12/14	Lãi tiền gửi T12	112 515	254.690	254.690
			....		....	....
31/12/14	PKT 16	31/12/14	Kết chuyển DTBH và CCDV	511 911	3.070.351.064	3.070.351.064
31/12/14	PKT 16	31/12/14	Kết chuyển DTHĐTC	515 911	3.947.728	3.947.728
31/12/14	PKT 17	31/12/14	Kết chuyển GVHB	911 632	2.264.662.552	2.264.662.552
31/12/14	PKT 17	31/12/14	Kết chuyển CFQLKD	911 642	607.036.642	607.036.642
31/12/14	PKT 18	31/12/14	Xác định chi phí thuế TNDN	821 3334	40.519.920	40.519.920
31/12/14	PKT 18	31/12/14	Kết chuyển CF thuế TNDN	911 821	40.519.920	40.519.920
31/12/14	PKT 19	31/12/14	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	162.079.678	162.079.678
			<b>Cộng lũy kế</b>		<b>21.095.965.359</b>	<b>21.095.965.359</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký)

**Biểu số 2.4: Sổ cái TK 511**

Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm  
53/111 Đông Khê, Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2014

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		TS	TTD		Nợ	Có
			Số dư đầu kì				-	-
			....				....	....
21/01/14	HD 00005	21/01/14	Bán hàng chưa thu tiền			131		215.430.000
			.....					
14/02/14	HD 00013, GBC 20268	14/02/14	Bán hàng thu 50% bằng TGNH			112		168.420.000
			.....				.....	.....
21/12/14	HD 000181	21/12/14	Bán hàng hóa chưa thu tiền			131		31.680.000
			.....				.....	.....
26/12/14	HD 000187	26/12/14	Bán hàng chưa thu tiền			131		37.060.000
			.....				.....	.....
			Kết chuyển			911	3.070.351.064	
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>3.070.351.064</b>	<b>3.070.351.064</b>
			Số dư cuối kì				-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký)

### 2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm

**\* Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty**

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT

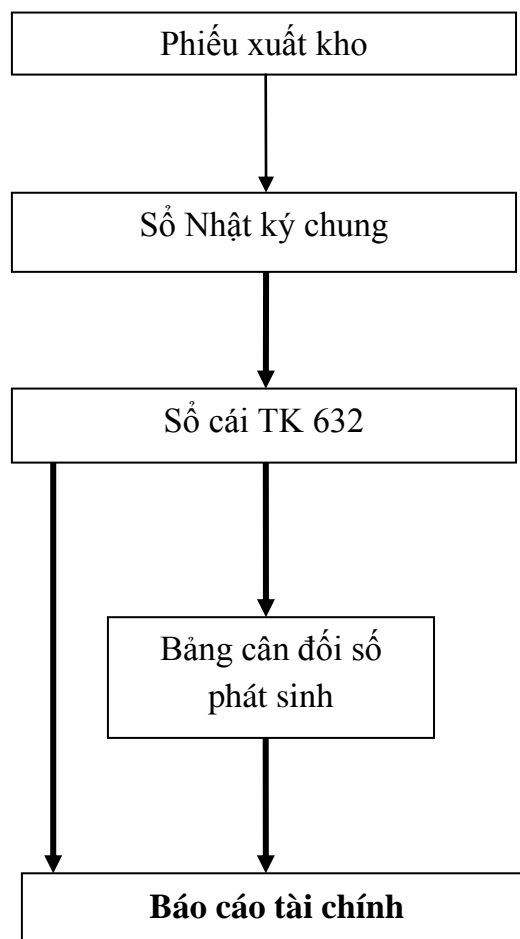
**\* Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty**

- TK 632: *Giá vốn hàng bán*
- Đồng thời kế toán sử dụng các tài khoản có liên quan như: TK 111, TK 112, TK 131, TK 333, TK 156

**\* Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty**

- Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 632, Sổ chi tiết TK 156

**\* Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty**



**Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày           →

Ghi định kỳ             →

Đối chiếu, kiểm tra   ←----→

Căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Hàng tháng kế toán dựa trên sổ Nhật ký chung để vào sổ cái TK 632. Đồng thời, từ nghiệp vụ phát sinh kế toán phản ánh vào sổ chi tiết TK 156. Cuối năm tài chính, từ các sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và lập báo cáo tài chính.

**Ví dụ minh họa**

Ngày 26/12/2014, xuất kho hàng hóa bán cho công ty TNHH Mai Hoàng; tổng giá thanh toán: 40.766.000 (thuế GTGT 10%). Khách hàng chưa thanh toán.

**Biểu số 2.5: Phiếu xuất kho số 187 ngày 26/12/1014**

Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm

Mẫu số: 02-VT

53/111 Đông Khê, Ngô Quyền - HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Nợ: 632: 32.717.000

Ngày 26 tháng 12 năm 2014

Có: 156: 32.717.000

Số: 0000168

Họ tên người nhận hàng: Hoàng Văn Nghĩa - Nhân viên P. Kinh doanh Công ty

Địa chỉ (Bộ phận): Kho giao nhận

Lý do xuất kho: Xuất bán hàng hóa

Xuất tại kho (ngăn lô): N1

Địa điểm: 53/111 Đông Khê, Ngô Quyền

S T T	Tên. nhãn hiệu	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Inox tấm 304L		Kg	460	460	60.000	27.600.000
2	Inox tấm 316		Kg	85	85	60.200	5.117.000
	<b>CỘNG</b>						<b>32.717.000</b>

Ngày 26 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu (Đã ký)    Người nhận hàng (Đã ký)    Thủ kho (Đã ký)    Kế toán trưởng (Đã ký)    Giám đốc (Đã ký)

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm)

**Biểu số 2.6: Sổ nhật ký chung**

Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm  
53/111 Đông Khê, Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			....			
26/12/14	PX 168	26/12/14	Xuất kho bán hàng	632	32.717.000	
				156		32.717.000
26/12/14	HĐ 187	26/12/14	Bán hàng chưa thu tiền	131	40.766.000	
				511		37.060.000
				3331		3.706.000
			....		....	....
31/12/14	BTTL 12/2014	31/12/14	Tính lương tháng 12 cho CBCNV	642	38.480.000	
				334		38.480.000
31/12/14	BTTL 12/2014	31/12/14	Tính các khoản trích theo lương tháng 12	642	9.235.200	
				338		9.235.200
				334	4.040.400	
				338		4.040.400
31/12/14	PC 05/11	31/12/14	Trả lương tháng 12 cho CBCNV	334	34.439.600	
				111		34.439.600
			....		....	....
31/12/14	GBC 40278	31/12/14	Lãi tiền gửi T12	112	254.690	
				515		254.690
			....		....	....
31/12/14	PKT 16	31/12/14	Kết chuyển DTBH và CCDV	511	3.070.351.064	
				911		3.070.351.064
31/12/14	PKT 16	31/12/14	Kết chuyển DTHĐTC	515	3.947.728	
				911		3.947.728
31/12/14	PKT 17	31/12/14	Kết chuyển GVHB	911	2.264.662.552	
				632		2.264.662.552
31/12/14	PKT 17	31/12/14	Kết chuyển CFQLKD	911	607.036.642	
				642		607.036.642
31/12/14	PKT 18	31/12/14	Xác định chi phí thuế TNDN	821	40.519.920	
				3334		40.519.920
31/12/14	PKT 18	31/12/14	Kết chuyển CF thuế TNDN	911	40.519.920	
				821		40.519.920
31/12/14	PKT 19	31/12/14	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	162.079.678	
				421		162.079.678
			<b>Cộng lũy kế</b>		<b>21.095.965.359</b>	<b>21.095.965.359</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký)

**Biểu số 2.7: Sổ cái TK 632**

**Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm**  
**53/111 Đông Khê, Ngô Quyền – HP**

**Mẫu số S03b-DNN**

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CÁI**

**Năm 2014**

**Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán**

**Số hiệu: 632**

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T S	TT D		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				-	-
			.....				.....	.....
21/01/14	PX 003	21/01/14	Xuất bán hàng hoá			156	184.300.000	
			....					
14/02/14	PX 15	14/02/14	Xuất bán hàng hoá			156	133.840.000	
			.....				.....	.....
21/12/14	PX 181	21/12/14	Xuất bán hàng hoá			156	26.160.000	
			.....				.....	.....
26/12/14	PX 168	26/12/14	Xuất bán hàng hoá			156	32.717.000	
			.....				.....	.....
			Kết chuyển			911		<b>2.264.662.552</b>
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>2.264.662.552</b>	<b>2.264.662.552</b>
			Số dư cuối kỳ				-	-

*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*

**Người lập biểu**  
*(Đã ký)*

**Kế toán trưởng**  
*(Đã ký)*

**Giám đốc**  
*(Đã ký)*

**Biểu số 2.8: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa**

Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm  
53/111 Đông Khê, Ngô Quyền - HP

Mẫu số S07-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Năm 2014

Tài khoản: 156

Tên vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Inox tấm 304L

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>		65.000				<u>5.200</u>	<u>338.000.000</u>	
		.....		.....						
PX 168	26/12/14	Xuất bán cho Cty TNHH Mai Hoàng	632	60.000			460	27.600.000	1.800	122.400.000
		.....		.....						
		<b>Cộng phát sinh</b>			6.120	406.980.000	10.050	686.214.200		
		<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>						<u>1.270</u>	<u>86.360.000</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký)

### 2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm

#### \* Chứng từ sử dụng tại công ty

- Phiếu chi, Hoá đơn GTGT, Giấy báo Nợ
- Bảng thanh toán lương, Bảng tính và phân bổ khấu hao...
- Các chứng từ khác có liên quan

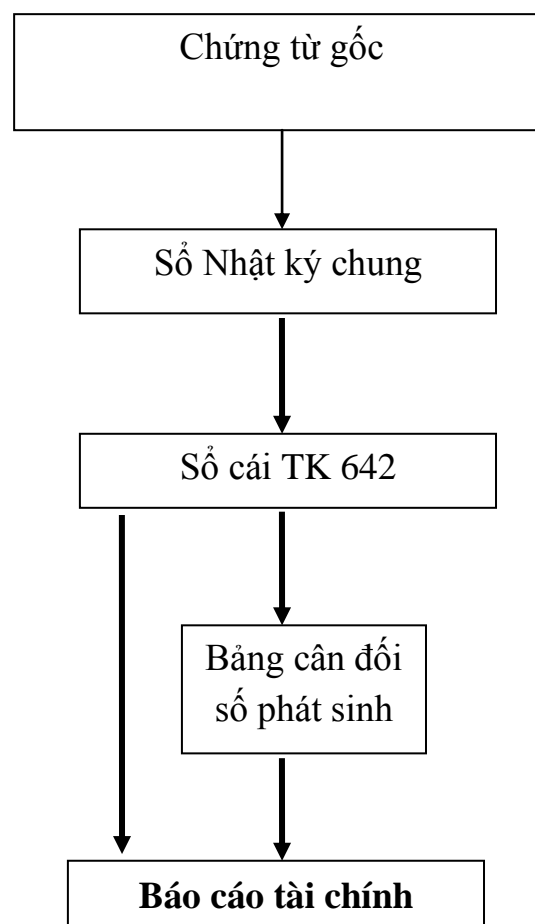
#### \* Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

#### \* Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 642

#### \* Trình tự hạch toán kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

Đối chiếu, kiểm tra ←---→

**Ví dụ minh họa:** Ngày 14/12/2014, kế toán thanh toán tiền điện tháng 12/2014 cho Điện lực Ngô Quyền bằng tiền mặt; số tiền là 2.254.120 đồng.

**Biểu số 2.9: Hoá đơn GTGT số 5210 của Điện lực Ngô Quyền ngày 14/12/2014**

DIỆN LỰC NGÔ QUYỀN		HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT (Liên 2: Giao khách hàng) Từ ngày 13/11/2014 đến ngày 14/12/2014		Mẫu số: 01GTKT2/001 Ký hiệu: AA/13P Số: 0005210	
<b>Địa chỉ:</b> 75 Chu Văn An, Lê Lợi, Ngô Quyền - HP					
<b>Điện thoại:</b> 031.3213336 MST: 0200340211-002					
<b>Mã khách hàng:</b> TT177					
<b>Tên khách hàng:</b> CTy CP TMDV XNK Phúc Lâm					
<b>Địa chỉ khách hàng:</b> 53/111 Đông Khê, Ngô Quyền - HP					
Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Mục đích SD	Điện năng TT	Đơn giá	Thành tiền
34.986	34.203	SH	783		
			100	1.418	141.800
			100	1.922	192.200
			100	2.424	242.400
			100	2.910	291.000
			100	3.461	346.100
			100	3.920	392.000
			100	4.437	443.700
<b>Cộng:</b>					<b>2.049.200</b>
<b>Thuế suất GTGT : 10%</b>					<b>204.920</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>2.254.120</b>
<b>Số tiền bằng chữ:</b> Hai triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn một trăm hai mươi đồng./.					

**Biểu số 2.10: Phiếu chi số 17, quyển số 10 ngày 14/12/2014**

**Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm**

**Mẫusố: 01 - TT**

**53/111 Đông Khê, Ngô Quyền - HP**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ - BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

Quyển số: 10

*Ngày 14 tháng 12 năm 2014*

Số: PC 17/10

Nợ: 642: 2.049.200

1331: 204.920

Có: 111: 2.254.120

**Họ và tên người nhận tiền:** Anh Trần Văn Minh – NV Điện lực Ngô Quyền

**Địa chỉ:** 75 Chu Văn An, Lê Lợi, Ngô Quyền - HP.....

**Lý do chi:** Thanh toán tiền điện .....

**Số tiền:** 2.254.120.....(viết bằng chữ): .....

*....Hai triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn một trăm hai mươi đồng./.*

Kèm theo: .....01.....chứng từ gốc.

*Ngày 14 tháng 12 năm 2014*

**Giám đốc**

*(Đã ký)*

**Kế toán trưởng**

*(Đã ký)*

**Thủ quỹ**

*(Đã ký)*

**Người lập phiếu**

*(Đã ký)*

**Người nhận tiền**

*(Đã ký)*

*(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm)*



**Biểu số 2.11: Sổ nhật ký chung**

Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm  
53/111 Đông Khê, Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTKĐƯ'	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			....		....	....
08/12/14	PC 10/10	08/12/14	Thanh toán cước viễn thông	642	527.273	
				1331	52.727	
				111		580.000
			....		....	....
14/12/14	PC 17/10	14/12/14	Thanh toán tiền điện	642	2.049.200	
				1331	204.920	
				111		2.254.120
			....		....	....
21/12/14	GBC 31498	20/12/14	Nộp tiền vào ngân hàng	112	100.000.000	
				111		100.000.000
21/12/14	PX 164	21/12/14	Xuất kho bán hàng	632	26.160.000	
				156		26.160.000
21/12/14	HĐ 181	21/12/14	Bán hàng chưa thu tiền	131	34.848.000	
				511		31.680.000
				3331		3.168.000
			....		....	....
26/12/14	PT 10/11	26/12/14	Bán hàng thu bằng tiền mặt	111	17.325.000	
				511		15.750.000
				3331		1.575.000
			....		....	....
27/12/14	PN 172; HĐ 237	27/12/14	Mua hàng nhập kho chưa thanh toán	156	38.400.000	
				1331	3.840.000	
				331		42.240.000
28/12/14	UNC 108	27/12/14	Thanh toán cho người bán bằng TGNH	331	133.451.394	
				112		133.451.394
			.....		....	....
			<b>Cộng lũy kế</b>		<b>21.095.965.359</b>	<b>21.095.965.359</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký)

**Biểu số 2.12: Sổ cái TK 642**

Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm  
53/111 Đông Khê, Ngô Quyền – HP

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2014**

**Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh**

**Số hiệu: 642**

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		TS	TTD		Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>				-	-
			<b>Số phát sinh</b>					
			.....				....	....
08/12/14	PC 10/10	08/12/14	Thanh toán cước viễn thông bằng tiền mặt			111	527.273	
			.....				....	.....
14/12/14	PC 17/10	14/12/14	Thanh toán tiền điện			111	2.049.200	
			.....					
31/12/14	BTTL 12/14	31/12/14	Tính lương phải trả tháng 12 cho CBCNV			334	38.480.000	
31/12/14	BTTL 12/14	31/12/14	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí			338	9.235.200	
31/12/14	PKT 17	31/12/14	Kết chuyển chi phí QLKD			911		607.036.642
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>607.036.642</b>	<b>607.036.642</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>				-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Người lập biểu**

(Đã ký)

**Kế toán trưởng**

(Đã ký)

**Giám đốc**

(Đã ký)

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm)

#### 2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm

**\* Chứng từ sử dụng tại công ty**

- Phiếu thu, Giấy báo Có
- Các chứng từ khác có liên quan

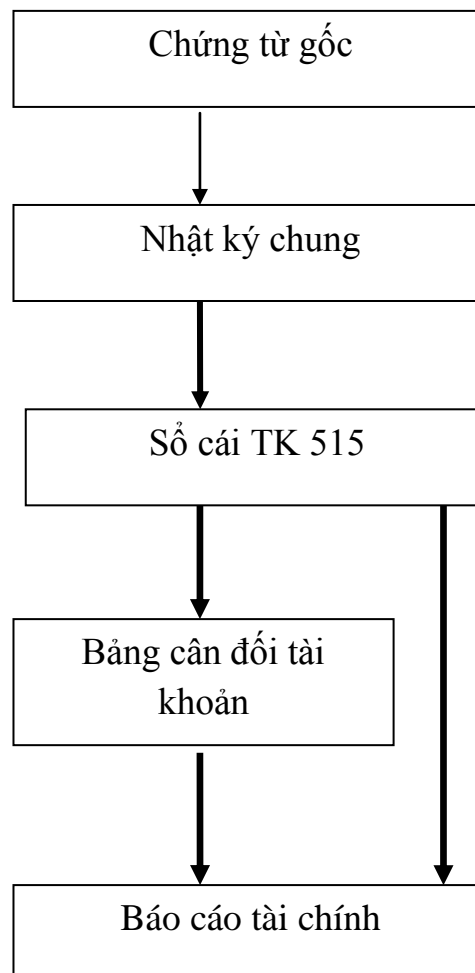
**\* Tài khoản sử dụng tại công ty**

- TK 515: *Doanh thu hoạt động tài chính*

**\* Sổ sách sử dụng tại công ty**

- Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 515

**\* Quy trình hạch toán tại công ty**



Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

Ví dụ minh họa:

Ngày 31/12/2014, Công ty nhận được Giấy báo Có của Ngân hàng Vietcombank về lãi tiền gửi T12 tháng 12/2014 được hưởng là 254.690 đồng.

**Biểu số 2.13: Giấy báo Có của Ngân hàng Vietcombank ngày 31/12/2014**

<b>NGÂN HÀNG VIETCOMBANK</b>		<b>GIẤY BÁO CÓ</b>		<b>Số: 40278</b> <b>Ngày: 31/12/2014</b>
<b>SỐ TÀI KHOẢN: 2112201020914</b>				
<b>TÊN TÀI KHOẢN: CÔNG TY CP TMDV XNK PHÚC LÂM</b>				
<b><u>Kính gửi:</u></b> Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm 53/111 Đông Khê, Ngô Quyền - HP			Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách đã được ghi Có với nội dung sau	
<b>Ngày hiệu lực</b> <b>31/12/2014</b>	<b>Số tiền</b> <b>254.690</b>	<b>Loại tiền</b> <b>VND</b>	<b>Diễn giải</b> <b>#Lãi T12 nhập gốc#</b>	
<b>Giao dịch viên</b> <i>(Đã ký)</i>			<b>Kiểm soát</b> <i>(Đã ký)</i>	

*(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm)*

**Biểu số 2.14: Sổ nhật ký chung**

Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm  
53/111 Đông Khê, Ngô Quyền – HP

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			....		....	....
26/12/14	PX 168	26/12/14	Xuất kho bán hàng	632 156	32.717.000	32.717.000
26/12/14	HD 187	26/12/14	Bán hàng chưa thu tiền	131 511 3331	40.766.000	37.060.000 3.706.000
			....		....	....
31/12/14	BTTL 12/2014	31/12/14	Tính lương tháng 12 cho CBCNV	642 334	38.480.000	38.480.000
31/12/14	BTTL 12/2014	31/12/14	Tính các khoản trích theo lương tháng 12	642 338 334 338	9.235.200 4.040.400	9.235.200 4.040.400
31/12/14	PC 05/11	31/12/14	Trả lương tháng 12 cho CBCNV	334 111	34.439.600	34.439.600
			....		....	....
31/12/14	GBC 40278	31/12/14	Lãi tiền gửi T12	112 515	254.690	254.690
			....		....	....
31/12/14	PKT 16	31/12/14	Kết chuyển DTBH và CCDV	511 911	3.070.351.064	3.070.351.064
31/12/14	PKT 16	31/12/14	Kết chuyển DTHĐTC	515 911	3.947.728	3.947.728
31/12/14	PKT 17	31/12/14	Kết chuyển GVHB	911 632	2.264.662.552	2.264.662.552
31/12/14	PKT 17	31/12/14	Kết chuyển CFQLKD	911 642	607.036.642	607.036.642
31/12/14	PKT 18	31/12/14	Xác định chi phí thuế TNDN	821 3334	40.519.920	40.519.920
31/12/14	PKT 18	31/12/14	Kết chuyển CF thuế TNDN	911 821	40.519.920	40.519.920
31/12/14	PKT 19	31/12/14	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	162.079.678	162.079.678
			<b>Cộng lũy kế</b>		<b>21.095.965.359</b>	<b>21.095.965.359</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký)

**Biểu số 2.15: Sổ cái TK 515**

Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm  
53/111 Đông Khê, Ngô Quyền – HP

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2014**

**Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính**

**Số hiệu: 515**

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		TS	TTD		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				-	-
			Số phát sinh					
			.....				.....	....
31/12/14	GBC 40278	31/12/14	Lãi tiền gửi T12 Ngân hàng Vietcombank			112		254.690
31/12/14	PKT 16	31/12/14	Kết chuyển DTHĐTC			911	3.947.728	
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>3.947.728</b>	<b>3.947.728</b>
			Số dư cuối kỳ				-	-

*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*

**Người lập biểu**

*(Đã ký)*

**Kế toán trưởng**

*(Đã ký)*

**Giám đốc**

*(Đã ký)*

*(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu  
Phúc Lâm)*

### ***2.2.5. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm***

Tại công ty, xác định kết quả kinh doanh được thực hiện theo từng năm. Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và các hoạt động khác sau một thời kỳ nhất định (một năm) biểu hiện bằng lãi hay lỗ.

Để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cần phải xác định được doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ. Kế toán phải thực hiện các bút toán kết chuyển:

- Kết chuyển doanh thu bán hàng
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính
- Kết chuyển giá vốn hàng bán
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh
- Kết chuyển chi phí thuế TNDN (nếu có)
- Kết chuyển lợi nhuận sau thuế (nếu lãi hoặc lỗ)

#### **\* Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

#### **\* Tài khoản sử dụng**

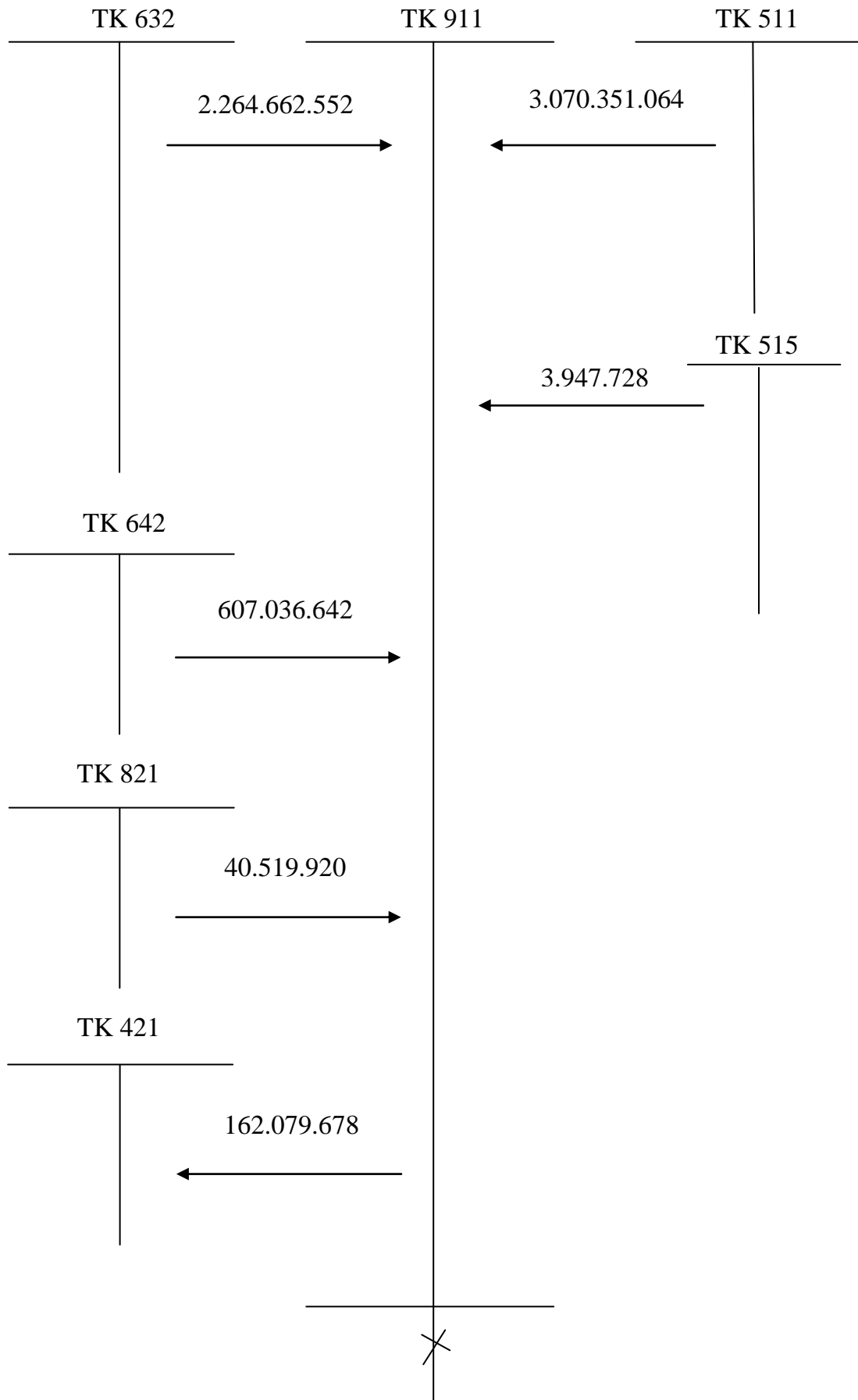
- TK 511: *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*
- TK 515: *Doanh thu hoạt động tài chính*
- TK 632: *Giá vốn hàng bán*
- TK 642: *Chi phí quản lý kinh doanh*
- TK 821: *Chi phí thuế TNDN*
- TK 911: *Xác định kết quả kinh doanh*
- TK 421: *Lợi nhuận chưa phân phối*

#### **\* Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty**

- Sổ Nhật ký chung; Sổ Cái các TK 511, 515, 632, 642, 821, 911, 421

#### **\* Quy trình hạch toán tại công ty**

**Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm**





**Biểu số 2.16: Phiếu kế toán số 16**

Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm 53/111 Đông Khê, Ngô Quyền - HP				Số: 016
<b>PHIẾU KẾ TOÁN</b> <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	3.070.351.064
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	3.947.728
	<b>Cộng</b>			<b>3.074.298.792</b>
<b>Kế toán trưởng</b> <i>(Đã ký)</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i> <b>Người lập phiếu</b> <i>(Đã ký)</i>		

**Biểu số 2.17: Phiếu kế toán số 17**

Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm 53/111 Đông Khê, Ngô Quyền - HP				Số: 017
<b>PHIẾU KẾ TOÁN</b> <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	2.264.662.552
2	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	607.036.642
	<b>Cộng</b>			<b>2.871.699.194</b>
<b>Kế toán trưởng</b> <i>(Đã ký)</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i> <b>Người lập phiếu</b> <i>(Đã ký)</i>		

*(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm)*

**Biểu số 2.18: Phiếu kế toán số 18**

Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm 53/111 Đông Khê, Ngô Quyền - HP			Số: 018	
<b>PHIẾU KẾ TOÁN</b> Ngày 31 tháng 12 năm 2014				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	40.519.920
2	Chi phí thuế TNDN	911	821	40.519.920
	<b>Cộng</b>			<b>81.039.840</b>
Kế toán trưởng (Đã ký)		Ngày 31 tháng 12 năm 2014 Người lập phiếu (Đã ký)		

**Biểu số 2.19: Phiếu kế toán số 19**

Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm 53/111 Đông Khê, Ngô Quyền - HP			Số: 019	
<b>PHIẾU KẾ TOÁN</b> Ngày 31 tháng 12 năm 2014				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN	911	421	162.079.678
	<b>Cộng</b>			<b>162.079.678</b>
Kế toán trưởng (Đã ký)		Ngày 31 tháng 12 năm 2014 Người lập phiếu (Đã ký)		

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm)

**Biểu số 2.20: Sổ nhật ký chung**

Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm  
53/111 Đông Khê, Ngô Quyền – HP

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			....		....	....
26/12/14	PX 168	26/12/14	Xuất kho bán hàng	632 156	32.717.000	32.717.000
26/12/14	HD 187	26/12/14	Bán hàng chưa thu tiền	131 511 3331	40.766.000	37.060.000 3.706.000
			....		....	....
31/12/14	BTTL 12/2014	31/12/14	Tính lương tháng 12 cho CBCNV	642 334	38.480.000	38.480.000
31/12/14	BTTL 12/2014	31/12/14	Tính các khoản trích theo lương tháng 12	642 338 334 338	9.235.200	9.235.200 4.040.400 4.040.400
31/12/14	PC 05/11	31/12/14	Trả lương tháng 12 cho CBCNV	334 111	34.439.600	34.439.600
			....		....	....
31/12/14	GBC 40278	31/12/14	Lãi tiền gửi T12	112 515	254.690	254.690
			....		....	....
31/12/14	PKT 16	31/12/14	Kết chuyển DTBH và CCDV	511 911	3.070.351.064	3.070.351.064
31/12/14	PKT 16	31/12/14	Kết chuyển DTHĐTC	515 911	3.947.728	3.947.728
31/12/14	PKT 17	31/12/14	Kết chuyển GVHB	911 632	2.264.662.552	2.264.662.552
31/12/14	PKT 17	31/12/14	Kết chuyển CFQLKD	911 642	607.036.642	607.036.642
31/12/14	PKT 18	31/12/14	Xác định chi thuế TNDN phải nộp	821 3334	40.519.920	40.519.920
31/12/14	PKT 18	31/12/14	Kết chuyển CF thuế TNDN	911 821	40.519.920	40.519.920
31/12/14	PKT 19	31/12/14	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	162.079.678	162.079.678
			<b>Cộng lũy kế</b>		<b>21.095.965.359</b>	<b>21.095.965.359</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký)

**Biểu số 2.21: Sổ cái TK 911**

Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm  
53/111 Đông Khê, Ngô Quyền – HP

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2014**

**Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh**

**Số hiệu: 911**

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		TS	TTD		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				-	-
			Số phát sinh					
31/12/14	PKT 16	31/12/14	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			511		3.070.351.064
31/12/14	PKT 16	31/12/14	Kết chuyển DTHĐTC			515		3.947.728
31/12/14	PKT 17		Kết chuyển GVHB			632	2.264.662.552	
31/12/14	PKT 17	31/12/14	Kết chuyển CPQLDN			642	607.036.642	
31/12/14	PKT 18	31/12/14	Kết chuyển CP thuế TNDN			821	40.519.920	
31/12/14	PKT 19	31/12/14	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế			421	162.079.678	
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>3.074.298.792</b>	<b>3.074.298.792</b>
			Số dư cuối kỳ				-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Người lập biểu**

(Đã ký)

**Kế toán trưởng**

(Đã ký)

**Giám đốc**

(Đã ký)

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm)

**Biểu số 2.22: Sổ cái TK 821**

Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm  
53/111 Đông Khê, Ngô Quyền – HP

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2014**

**Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN**

**Số hiệu: 821**

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		TS	TTD		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				-	-
			Số phát sinh					
31/12/14	PKT 18	31/12/14	Xác định thuế TNDN phải nộp			3334	40.519.920	
31/12/14	PKT 18	31/12/14	Chi phí thuế TNDN			911		40.519.920
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>40.519.920</b>	<b>40.519.920</b>
			Số dư cuối kỳ				-	-

*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*

**Người lập biểu**

*(Đã ký)*

**Kế toán trưởng**

*(Đã ký)*

**Giám đốc**

*(Đã ký)*

*(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu  
Phúc Lâm)*

**Biểu số 2.23: Sổ cái TK 421**

Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm  
53/111 Đông Khê, Ngô Quyền – HP

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2014**

**Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối**

**Số hiệu: 421**

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		TS	TTD		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					<b><u>196.571.837</u></b>
			Số phát sinh					
			.....					
31/12/14	PKT 19	31/12/14	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay			911		162.079.678
			Cộng phát sinh				<b>54.240.023</b>	<b>252.562.891</b>
			Số dư cuối kỳ					<b><u>304.429.492</u></b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*

**Người lập biểu**

*(Đã ký)*

**Kế toán trưởng**

*(Đã ký)*

**Giám đốc**

*(Đã ký)*

*(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu  
Phúc Lâm)*

**Biểu số 2.24:**

Công ty CP TMDV  
XNK Phúc Lâm  
53/111 Đông Khê, Ngô  
Quyền - HP

Mẫu số B02 – DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/ 9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.070.351.064	723.807.056
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.070.351.064	723.807.056
4. Giá vốn hàng bán	11		2.264.662.552	556.251.934
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		805.688.512	167.555.122
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.947.728	208.281
7. Chi phí tài chính	22			912.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		607.036.642	146.164.097
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		202.599.598	20.687.306
10. Thu nhập khác	31			706
11. Chi phí khác	32		1	890.250
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1)	889.544
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		202.599.598	19.797.762
14. Chi phí thuế thu nhập DN	51		40.519.920	
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		162.079.678	19.797.762

Lập, ngày 16 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

## **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU PHÚC LÂM**

### **3.1. Đánh giá chung về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm**

#### **3.1.1. Ưu điểm**

- **Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh**

Công ty đã tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời nhanh chóng.

- **Về tổ chức bộ máy kế toán**

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với yêu cầu quản lý của Công ty.

- Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao; nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của Kế toán trưởng. Vì vậy nên công tác tổ chức kế toán trong công ty đã giảm thiểu được những sai sót, gian lận.

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức khoa học, thống nhất từ Kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán. Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp với trình độ chuyên môn từng người. Phòng kế toán có quy chế làm việc rõ ràng, mỗi kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình với công việc.

- Kế toán phản ánh nhanh chóng, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán, phục vụ tốt công tác quản lý.

- **Về việc tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán**

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và



pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định.

- Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ.

- Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào chứng từ. Các chứng từ đều có chữ ký xác nhận của các bên liên quan, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu thực tế phát sinh với số liệu trên sổ kế toán.

- Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản, ngoài ra nó còn là hình thức phù hợp nhất và được sử dụng nhiều trong các phần mềm kế toán trên máy tính.

- Sổ sách công ty áp dụng để tập hợp ghi chép số liệu của quá trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động là hợp lý. Vì nó vừa đảm bảo tính chính xác khoa học, đồng thời đảm bảo tính đơn giản dễ dàng cho việc theo dõi kiểm tra đối chiếu khi cần.

#### • Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty nhìn chung đã đúng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như: chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp...

Việc cập nhật kịp thời những thay đổi của chế độ kế toán giúp cho Công ty tiến hành công tác kế toán một cách chính xác, tránh được những sai sót không đáng có.

- Về việc tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, doanh thu được xác định một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu.

- Về kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được ghi chép một cách đầy đủ, kịp thời. Giúp công ty nắm bắt được các khoản chi hợp lý, hợp lệ nhằm điều chỉnh thu chi của doanh nghiệp.

- Về kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về tình hình kinh doanh của công ty.

### **3.1.2. Hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm vẫn còn có những hạn chế nhất định:

- **Chưa lập Sổ chi tiết doanh thu bán hàng**

Công ty chưa tiến hành lập Sổ chi tiết doanh thu bán hàng cho tài khoản 511. Làm cho công ty không theo dõi được cụ thể chi tiết doanh thu của từng mặt hàng trong tài khoản 511.

Tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm kế toán chỉ mở Sổ cái TK 511 để theo dõi doanh thu của tất cả các mặt hàng mà không mở riêng cho từng loại. Do đó, không xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Vì vậy không có cơ sở để lựa chọn cơ cấu mặt hàng tối ưu.

Ban lãnh đạo Công ty sẽ không biết được mặt hàng nào đem lại lợi nhuận cao mà từ đó đẩy mạnh.

- **Chưa sử dụng TK cấp 2 của TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh” là:**

- **TK 6421 “Chi phí bán hàng”**
- **Tài khoản 6422 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”**

Các nhà quản lý rất cần biết thông tin chi tiết, cụ thể về các khoản mục chi phí cũng như việc sử dụng và phân loại chi phí này; để từ đó lập dự toán chi phí, chủ động điều tiết. Nhưng công ty ở các khoản mục chi phí đều tập hợp và phản ánh trên TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”, không hạch toán chi tiết trên từng khoản mục chi phí. Do đó, thông tin mà kế toán cung cấp chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý.

• **Chưa ứng dụng phần mềm kế toán vào trong công tác kế toán**

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán. Tuy nhiên hệ thống sổ và trình tự ghi sổ của công ty mới chỉ xây dựng được một số phần hành trên Excel, Word và việc ghi chép còn thủ công. Trong khi đó, kế toán phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc. Ngày nay công nghệ thông tin phát triển nhanh chóng, áp dụng cho hầu hết mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy việc áp dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán sẽ đem lại hiệu quả công việc. Để mọi sổ sách kế toán đều lưu trữ trên máy vi tính, và các kế toán phụ trách từng mảng phản ánh chính xác, nhanh chóng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Có như vậy, kế toán mới có thể lập được báo cáo trung thực và phản ánh chính xác tình hình tài chính của Công ty. Đồng thời giúp cho Ban giám đốc luôn nắm bắt được tình hình tài chính của Công ty một cách nhanh chóng và thuận tiện.

• **Nhân sự phòng kế toán Công ty**

- Đội ngũ cán bộ nhân viên kế toán còn trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm, dẫn đến hiệu quả công việc chưa cao.
- Nhân sự trong phòng kế toán còn thiếu, ảnh hưởng tới công việc
- Việc nâng cao trình độ của nhân viên kế toán lại chưa được Ban lãnh đạo Công ty quan tâm. Công ty chưa có kế hoạch nhằm bồi dưỡng nghiệp vụ, đào tạo cho nhân viên kế toán.

**3.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm**

Đối với một doanh nghiệp thương mại với chức năng chủ yếu là lưu thông hàng hoá mà công tác kế toán doanh thu, chi phí lại ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận, kết quả kinh doanh trong một thời kỳ của doanh nghiệp. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí chiếm một tỷ trọng lớn trong công tác kế toán của doanh nghiệp thương mại. Chúng đòi hỏi phải có sự quản lý chặt chẽ các yếu tố: giá vốn, quá trình thanh toán, thu hồi công nợ và các khoản chi phí có liên

quan. Điều này giúp cho việc hạch toán kết quả kinh doanh được chính xác, tiết kiệm được chi phí, tăng vòng quay vốn, thực hiện tốt các nghĩa vụ với Nhà nước.

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm chưa được hoàn thiện, gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về doanh thu, chi phí chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được hoàn thiện sẽ giúp cung cấp số liệu doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành. Từ đó, giúp kế toán lập các báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý. Đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước như thế nào. Có thể đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí hạ giá thành, tăng lợi nhuận.

### **3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm**

Qua quá trình tìm hiểu tại Công ty, trên cơ sở nghiên cứu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học. Em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của Công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của Công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty như sau:

#### ***Kiến nghị 1: Mở Sổ chi tiết doanh thu bán hàng theo từng mặt hàng***

Lập Sổ chi tiết doanh thu bán hàng nhằm xác định rõ chi tiết doanh thu của từng mặt hàng, để thấy được mặt hàng nào tiêu thụ nhiều và hiệu quả kinh tế cao. Như vậy sẽ giám sát được chặt chẽ tình hình ứ đọng hàng hóa. Xác định được

cụ thể những mặt hàng tiềm năng và mặt hàng còn hạn chế; từ đó giúp công ty có những phương án kinh doanh hiệu quả nhất.

Giúp công ty nắm được chi tiết từng loại hàng hóa tiêu thụ như thế nào trong kỳ, lãi gộp của từng mặt hàng. Từ đó các cấp lãnh đạo có thể đưa ra được chiến lược tiêu thụ hàng hóa như: marketing, tìm kiếm thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Ban lãnh đạo Công ty sẽ nắm bắt được cơ cấu mặt hàng, nắm bắt được mặt hàng nào đem lại lợi nhuận gộp cao nhất. Công ty biết được mặt hàng nào đem lại lợi nhuận cao để từ đó đẩy mạnh.

Em xin đưa ra mẫu Sổ chi tiết doanh thu bán hàng (ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC) như sau:

**Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng**

Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm  
53/111 Đông Khê, Ngô Quyền - HP

Mẫu số S17-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên hàng: Inox tấm 304L

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ
	SH	NT			Số lượng (Kg)	Đơn giá	Thành tiền	
			...		...	...	...	
26/12/14	HĐ 00187	26/12/14	Bán hàng chưa thu tiền	131	460	68.000	31.280.000	-
			...		...	...	...	...
			<b>CỘNG</b>	<b>x</b>	<b>10.050</b>	<b>x</b>	<b>686.214.200</b>	
			Giá vốn hàng bán				540.222.400	
			Lãi gộp				145.991.800	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký)

Căn cứ vào Sổ chi tiết bán hàng, lập Bảng tổng hợp xác định kết quả theo từng mặt hàng.

**Biểu số 3.2: Bảng tổng hợp xác định kết quả theo từng mặt hàng**

Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm  
53/111 Đông Khê, Ngô Quyền - HP

**BẢNG TỔNG HỢP XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ THEO TỪNG MẶT HÀNG**

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

STT	Mặt hàng	ĐVT	Doanh thu thuần	Giá vốn		Lợi nhuận gộp	Ghi chú
				SL	TT		
1	A	B	2	3	4	5	6
	...		...	...	...	...	
3	Inox tấm 304L	Kg	686.214.200	10.050	540.222.400	145.911.800	
4	Inox tấm 316	Kg	914.234.140	2250	737.428.600	176.805.540	
	...		...	...	...	...	
	<b>CỘNG</b>	<b>x</b>	<b>3.070.351.064</b>	<b>x</b>	<b>2.264.662.552</b>	<b>805.688.512</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký)

**Kiến nghị 2:** Sử dụng TK cấp 2 của TK 642 “*Chi phí quản lý kinh doanh*” là:

- TK 6421 “*Chi phí bán hàng*”
- Tài khoản 6422 “*Chi phí quản lý doanh nghiệp*”

Kế toán Công ty nên sử dụng 2 tài khoản cấp 2 của TK 642 là: TK 6421 “*Chi phí bán hàng*” và TK 6422 “*Chi phí quản lý doanh nghiệp*”. Việc này là cần thiết vì nó giúp kế toán xác định kết quả, giúp cho việc theo dõi quản lý chi phí phát sinh ở từng khâu, từng giai đoạn. Từ đó đề ra các biện pháp quản lý hữu hiệu đối với các khoản chi phí này.

Đảm bảo phù hợp với chế độ quản lý của Nhà nước do Bộ Tài chính ban hành. Nhân viên kế toán có cơ sở để xác định đúng, chính xác kết quả kinh doanh. Cung cấp cho nhà lãnh đạo công ty những thông tin mang tính chất thường xuyên, liên tục, có hệ thống về tình hình hiện có cũng như biến động của các khoản mục chi phí phát sinh. Phân đầu điều tiết chi phí sao cho khoản chi phí giảm thiểu được tối đa. Đồng thời giúp cho công tác thanh tra của các cơ quan quản lý được thực hiện dễ dàng, nhanh chóng hơn.

Ví dụ: Ngày 14/12 Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm thanh toán tiền điện phục vụ bộ phận quản lý với số tiền là 2.254.120 đồng, đã trả bằng tiền mặt. Kế toán thu thập hóa đơn và định khoản như sau:

Nợ TK 6422: 2.049.200

Nợ TK 1331: 204.920

Có TK 111: 2.254.120



### Kiến nghị 3: Ứng dụng phần mềm kế toán

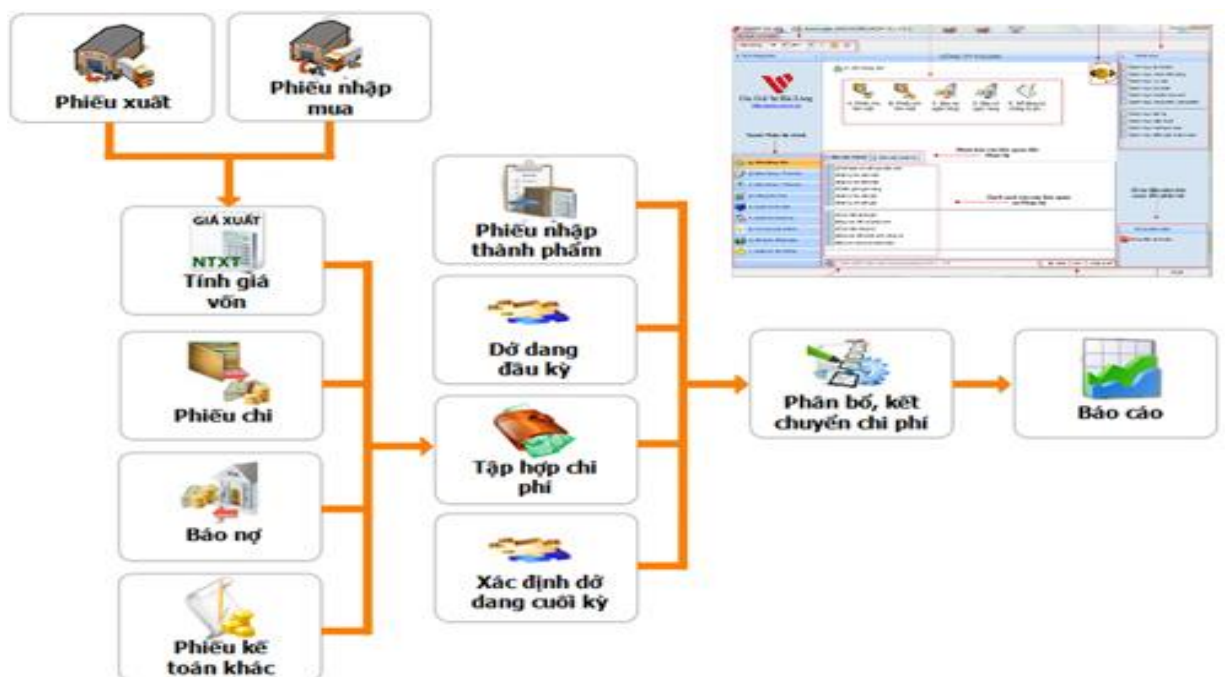
Hiện nay công nghệ thông tin ngày một phát triển, việc áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý tài chính kế toán là điều mà các doanh nghiệp thực sự quan tâm. Việc áp dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp thể hiện bước tiến mới không chỉ cho các ngành kinh doanh nói riêng, mà nó còn khẳng định bước nhảy vọt của nền kinh tế nước ta nói chung.

Hiện tại phòng kế toán của Công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính, phục vụ cho công tác kế toán. Điều đó tạo điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán. Giảm bớt công việc kiểm tra, đối chiếu số liệu, mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty.

Việc ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán giúp giảm bớt khối lượng công việc ghi chép của kế toán, vẫn đảm bảo tính kịp thời, chính xác. Tiết kiệm thời gian, chi phí, giảm bớt sức lao động và khối lượng công việc cho nhân viên kế toán, góp phần hiện đại hóa bộ máy kế toán công ty.

Hiện nay trên thị trường có một số phần mềm kế toán: VACOM, SMART INNOVATION, MISA SME.NET... Công ty có thể tham khảo để ứng dụng phiên bản mới này.

#### • Phần mềm kế toán VACOM



- Ưu điểm:

+ Về giao diện trực quan đơn giản, dễ sử dụng. Hệ thống báo cáo đa dạng, làm tới đâu xem báo cáo tới đó. Chỉnh sửa trực tiếp trên bất kỳ báo cáo nào nhờ hệ thống truy xuất ngược, tùy chọn báo cáo theo báo cáo quản trị và báo cáo tài chính.

+ Phần mềm kế toán Vacom hỗ trợ các phím hướng dẫn trực quan. 100 % báo cáo được kết xuất ra Excel, pdf nguyên mẫu.

- Nhược điểm:

+ Tốc độ xử lý còn chậm, vẫn xảy ra lỗi trong quá trình sử dụng.

### • Phần mềm kế toán *SMART INNOVATION*



- Ưu điểm:

Phần mềm phù hợp với Công ty có đặc điểm là hoạt động trong lĩnh vực thương mại nhỏ. Phần mềm tiện lợi nhanh chóng, chính xác sẽ giúp cho kế toán của Công ty tiết kiệm được nhân lực và chi phí.

- Nhược điểm:

Trong thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ. Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data. Tốc độ xử lý còn chậm.

• **Phần mềm Kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ MISA SME.NET**



- Ưu điểm:

Các dòng sản phẩm của MISA SME.NET đều là các phần mềm đóng gói, mang tính phổ biến, phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, không cần báo cáo kiểu quản trị nhiều. Phần mềm Misa đơn giản, dễ học, dễ sử dụng, hình ảnh giao diện thân thiện.

- Nhược điểm:

MISA SME.NET là phần mềm kế toán đóng gói nên sẽ không tùy chỉnh được theo người dùng. Tuy nhiên, điều này là chấp nhận được với một DN vừa và nhỏ như Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm.

Vậy với công tác kế toán, với khả năng tài chính của Công ty; theo em Công ty nên tiến hành mua bản quyền sử dụng phần mềm kế toán máy MISA SME.NET. Tổ chức thông tin kế toán trong MISA SME.NET là rất rõ ràng, cụ thể. Kế toán chỉ cần lựa chọn thông tin rồi nhập vào phần mềm trên máy vi

tính, phần mềm sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán. Ngoài ra, phần mềm này được thiết kế đảm bảo có thể cung cấp các báo cáo kế toán quản trị tổng hợp và chi tiết theo nhiều chiều phục vụ tối đa công tác quản trị điều hành.

**Kiến nghị 4: Nâng cao trình độ của nhân viên kế toán**

Tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm hiện có 3 nhân viên kế toán. Trong đó:

- Giới tính: 1 nam, 2 nữ
- Độ tuổi: 25 – 45
- Trình độ: 1 Đại học, 1 Cao đẳng, 1 Trung cấp

Để đáp ứng những đòi hỏi về chuyên môn, nghiệp vụ cũng như trình độ kế toán của kế toán viên trong công ty. Nhằm làm cho bộ máy kế toán được hoàn thiện, góp phần nâng cao hiệu quả làm việc trong bộ máy kế toán nói riêng và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nói chung. Công ty cần nâng cao trình độ của nhân viên kế toán bằng việc có thể tổ chức cho kế toán viên tham gia các khóa học để bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ. Làm tốt công tác đào tạo chuyên môn, sẽ giúp cho các nhân viên kế toán vững tin vào tay nghề chuyên môn của mình.

Hoặc công ty có thể tuyển dụng thêm kế toán có trình độ chuyên môn, giàu kinh nghiệm để bảo đảm công tác kế toán được hiệu quả hơn. Ngoài ra việc phân công công việc có thể điều chỉnh lại để giảm bớt gánh nặng cho kế toán trưởng.

Nếu công ty làm tốt được việc nâng cao trình độ nhân viên kế toán, chính là tiền đề cơ bản cho việc hoàn thiện bộ máy kế toán công ty. Đồng thời từ đó tạo cơ sở cho tình hình kinh doanh của Công ty được ổn định. Với đội ngũ nhân viên kế toán lành nghề, dày dặn kinh nghiệm, làm cho hiệu quả kinh doanh của Công ty ngày càng được nâng cao.

## KẾT LUẬN

Đề tài khoá luận: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phúc Lâm” đã đưa ra được những vấn đề cơ bản sau:

- Về mặt lý luận:

- Đã hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp.

- Về mặt thực tiễn:

- Đã phản ánh thực trạng khách quan, đầy đủ công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty năm 2014.

- Đề tài đã đánh giá được ưu điểm, nhược điểm trong công tác kế toán nói chung và công tác hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng của Công ty.

- Đối chiếu lý luận cơ bản với thực tiễn, khoá luận đã đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. Các đề xuất, kiến nghị đều xuất phát từ thực tế của Công ty nên mang tính khả thi cao.

Do khả năng còn hạn chế, thời gian nghiên cứu còn hạn hẹp nên bài khoá luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp của các thầy cô giáo để bài khoá luận được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn các anh chị phòng Tài chính kế toán Công ty đã giúp đỡ em trong thời gian qua. Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Thạc sĩ Hòa Thị Thanh Hương cùng toàn thể các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thành bài khoá luận này.

Hải Phòng, ngày 04 tháng 07 năm 2015  
Sinh viên

Trần Trung Dũng

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ* - Bộ Tài chính - Nhà xuất bản Tài Chính (2009).
2. *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam* – Bộ Tài Chính – Nhà xuất bản Tài Chính (2009).
3. Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy (2008) – *Giáo trình kế toán tài chính*: NXB Tài chính.
4. Nguyễn Phú Giang (2007) – *Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính*: NXB Tài chính.
5. TS. Nguyễn Minh Kiều (2003), *Tài chính công ty*, NXB Tài Chính, Học Viện Tài Chính, Hà Nội
6. TS. Nguyễn Ngọc Thơ (2003), *Tài chính công ty hiện đại*, NXB Thống Kê, Đại Học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.

### **Khóa luận tốt nghiệp sử dụng số liệu từ nguồn:**

- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm cho năm tài chính 2014.
- Khóa luận tốt nghiệp lấy số liệu tại Phòng Tài chính kế toán của Công ty CP TMDV XNK Phúc Lâm.